

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHAN TÂY HỒ

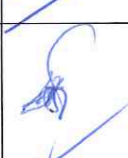
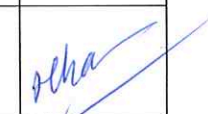
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

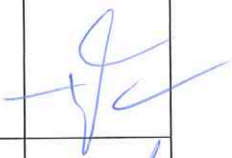
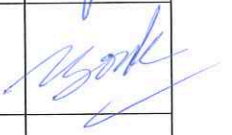
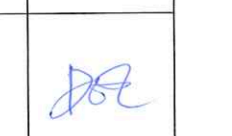
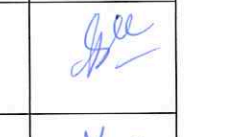
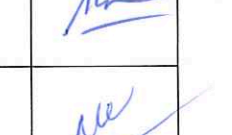
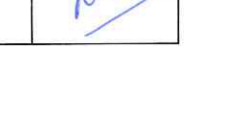
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHAN TÂY HỒ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	Nguyễn Văn Hiền	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2.	Nguyễn Đình San	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3.	Chung Thị Thanh Thúy	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4.	Quách Thị Hoài Nam	Nhân viên văn thư, Tổ trưởng tổ văn phòng, Thư ký Hội đồng	Ủy viên hội đồng	
5.	Nguyễn Hoàng Trang	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên hội đồng	
6.	Võ Minh Triệu Luân	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
7.	Nguyễn Thạch Tâm	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên hội đồng	

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
8.	Trần Thị Hoàng Mai	Tổ trưởng tổ Giáo dục công dân - Trưởng ban Thanh tra nhân dân	Ủy viên hội đồng	
9.	Ngô Minh Tài	Tổ trưởng tổ Toán	Ủy viên hội đồng	
10.	Phạm Thanh Bình	Tổ trưởng tổ Khoa học tự nhiên	Ủy viên hội đồng	
11.	Phùng Thị Kim Oanh	Tổ trưởng tổ Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp	Ủy viên hội đồng	
12.	Trần Đức Quân	Tổ trưởng tổ Công nghệ và Tin học	Ủy viên hội đồng	
13.	Hà Thanh Phong	Tổ trưởng tổ Văn - Thể - Mỹ	Ủy viên hội đồng	
14.	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nhân viên phụ trách Công nghệ thông tin	Ủy viên hội đồng	
15.	Phạm Thị Thu Hiền	Nhân viên thư viện	Ủy viên hội đồng	
16.	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên y tế	Ủy viên hội đồng	
17.	Trần Thị Thu Ninh	Giáo viên phụ trách học vụ	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	23
Tiêu chí 1.5: Lớp học	26
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	30
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	31
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	33
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	35
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	37
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	39
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	41
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	45
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	47
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	49

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	50
Mở đầu	50
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	50
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	52
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	57
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	62
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	64
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	66
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	69
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	70
Mở đầu	70
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Kế hoạch giáo dục	70
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	73
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	76
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	77
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	78
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	81
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	87
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	88
Phần IV. PHỤ LỤC	90

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3		X		

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: đạt Mức 1.

2. Kết luận: trường đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Phan Tây Hồ.

Tên trước đây: Trường Phổ thông cơ sở Phan Tây Hồ.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Hiền
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Gò Vấp	Điện thoại	090 3019473
Xã/phường/thị trấn	16	FAX	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	www.thcsphantayho.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1976	Số điểm trường	01
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp

Số lớp	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Khối lớp 6	16	15	14	15	18
Khối lớp 7	17	16	15	14	15
Khối lớp 8	17	17	16	15	12
Khối lớp 9	15	16	16	16	15
Tổng cộng	65	64	61	60	60

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	66	66	66	66	66	
1	Phòng học	57	57	57	57	57	
a	Phòng kiên cố	57	57	57	57	57	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
2	Phòng học bộ môn	05	05	05	05	05	
a	Phòng kiên cố	05	05	05	05	05	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
3	Khối phục vụ học tập	04	04	04	04	04	
a	Phòng kiên cố	04	04	04	04	04	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
II	Khối phòng hành chính - quản trị	10	10	10	10	10	
1	Phòng kiên cố	10	10	10	10	10	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	14	14	14	14	14	
	Cộng	91	91	91	91	91	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 01/2025 (bao gồm biên chế và Nghị định 111).

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	00	00	00	00	01	
Phó Hiệu trưởng	02	01	00	00	00	01	
Giáo viên	94	66	01	02	85	07	01 Chăm

Nhân viên	11	09	00	04	07	00	
Cộng	108	76	01	06	93	09	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

Giáo viên	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Tổng số giáo viên	106	108	101	97	95
Tỷ lệ giáo viên/lớp	106/65 - 1,63	108/64 - 1,68	101/61 - 1,65	97/60 - 1,61	95/60 - 1,59
Tỷ lệ giáo viên/học sinh	106/3176	108/3120	101/2819	97/2656	95/2702
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	00	13	00	12	06
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	03	00

4. Học sinh:

a) Số liệu chung:

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	3176	3120	2819	2656	2702	
	- Nữ	1526	1485	1344	1291	1321	
	- Dân tộc thiểu số	39	34	33	38	38	
	- Khối lớp 6	823	724	477	659	851	
	- Khối lớp 7	835	811	729	486	659	
	- Khối lớp 8	786	820	819	717	485	
	- Khối lớp 9	732	765	794	794	709	
2	Tổng số tuyển mới	823	724	477	659	851	
3	Học 2 buổi/ngày	2134	2616	2567	2656	2702	
4	Bán trú	2134	2179	1945	1911	1994	
5	Nội trú	00	00	00	00	00	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	49	48,8	46,2	44,3	45	
7	Số lượng và tỉ lệ %	3176/ 3176 -	3120/ 3120 -	2819/ 2819 -	2656/ 2656 -	2702/ 2702 - 100%	

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
	đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%		
	- Nữ	1526	1485	1344	1291	1321	
	- Dân tộc thiểu số	38	34	33	38	38	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp quận/thành phố (nếu có)	36/14	38/12	29/28	22/11	23/8	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	00	00	00	00	00	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	42	32	29	30	30	
	- Nữ	21	14	13	09	09	
	- Dân tộc thiểu số	01	00	00	02	02	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	126	108	128	155	162	
12	Các số liệu	00	00	00	00	00	

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
	khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục:

Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Tỷ lệ học sinh xếp loại học tập Tốt	1745/3143 - 56,00%	1660/3093 - 53,67%	1743/2779 - 62,72%	1527/2640 - 57,84%	1587/2683 - 59,70%
Tỷ lệ học sinh xếp loại học tập Khá	1017/3143 - 32,00%	1008/3093 - 32,59%	806/2779 - 29,00%	776/2640 - 29,39%	800/2683 - 29,30%
Tỷ lệ học sinh xếp loại học tập Chưa đạt	38/3143 - 1,20%	51/3093 - 1,64%	18/2779 - 0,65%	15/2640 - 0,57%	27/2683 - 1,00%
Tỷ lệ học sinh xếp loại rèn luyện Tốt	2960/3143 - 94,00%	2871/3093 - 92,82%	2596/2779 - 93,41%	2369/2640 - 89,73%	2191/2683 - 81%
Tỷ lệ học sinh xếp loại rèn luyện Khá	165/3143 - 5,30%	193/3093 - 6,24%	167/2779 - 6,00%	230/2640 - 8,71%	377/2683 - 14,50%
Tỷ lệ học sinh xếp loại rèn luyện Đạt	18/3143 - 0,60%	29/3093 - 0,94%	16/2779 - 0,57%	41/2640 - 1,55%	95/2683 - 3,60%
Tỷ lệ học sinh xếp loại rèn luyện Chưa đạt	00/3143 - 0,00%	00/3093 - 0,00%	00/2779 - 0,00%	00/2640 - 0,00%	03/2683 - 0,20%

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ:

1. Tình hình chung của nhà trường:

Trường trung học cơ sở Phan Tây Hồ được thành lập theo Quyết định số 642/QĐ-UBQ ngày 11 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp tại địa chỉ số 535/29, đường Thống Nhất, Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường có diện tích 6.248 m², được thiết kế xây dựng gồm 04 khu, có tổng cộng 57 phòng học, 05 phòng học bộ môn, 04 phòng phục vụ học tập, 10 phòng khu hành chính quản trị và 14 phòng thuộc khối phụ trợ khác. Mỗi phòng học có diện tích 48 m² phục vụ gần 3000 học sinh mỗi năm học. Năm học 2024 - 2025, sĩ số học sinh của nhà trường là 2592 học sinh, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường hiện có là 141 người.

Ngoài ra để phục vụ giảng dạy cho bộ môn Tin học, trường có 03 phòng máy vi tính với tổng số máy là 159, có nối mạng internet. Việc xã hội hóa giáo dục nhà trường thực hiện tốt nên đến thời điểm hiện nay đã trang bị được 01 phòng máy tính gồm 50 máy tính và 01 máy chủ, 03 máy chiếu projector, 03 bảng tương tác, 04 máy tính xách tay để phục vụ cho việc đổi mới phương pháp trong giảng dạy.

Căn cứ Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, nhà trường đã xác định rõ mục tiêu và ý nghĩa của việc tự đánh giá, qua công tác tự đánh giá, nhà trường thấy được thực trạng, điểm mạnh, điểm yếu, xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để từ đó từng bước phấn đấu, có biện pháp cải tiến chất lượng nâng

cao hiệu quả giáo dục về mọi mặt.

Mục tiêu và sứ mạng của nhà trường:

Giáo dục và rèn luyện học sinh phát triển toàn diện về “Đức - Trí - Thể - Mỹ”, có tinh thần trách nhiệm, có ý thức tự học, tự rèn, có kỹ năng sống tốt, có khả năng hoạt động nhóm, biết hợp tác chia sẻ và phát huy khả năng tư duy sáng tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Đồng thời giúp các em đạt kết quả cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp quận và cấp thành phố, thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông.

Nhà trường tiếp tục khẳng định uy tín, chất lượng so với các trường trên địa bàn quận, xây dựng được đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đạt và vượt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Trong các năm học, nhà trường có giáo viên tham gia dự thi giáo viên giỏi cấp trường, cấp quận, cấp thành phố; có cán bộ, giáo viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp thành phố, giáo viên được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen lao động giỏi lao động sáng tạo.

2. Mục đích tự đánh giá:

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nhằm mục đích tự xem xét, tự chỉ ra những mặt mạnh, mặt tích cực trong việc quản lý và tổ chức nhà trường đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; nhằm lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá:

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường được tập huấn từ năm học 2024 - 2025 và tiến hành công tác tự đánh giá theo quy trình:

- Ngày 25 tháng 11 năm 2024: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Ngày 25 tháng 11 năm 2024: Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- Ngày 02 tháng 12 năm 2024: Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

- Ngày 16 tháng 12 năm 2024: Đánh giá mức độ đạt theo từng tiêu chí.
- Ngày 23 tháng 12 năm 2024: Viết báo cáo tự đánh giá.
- Ngày 24 tháng 01 năm 2024: Công bố báo cáo tự đánh giá.
- Ngày 10 tháng 02 năm 2024: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Quá trình tự đánh giá đã được thực hiện đúng hướng dẫn, đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai và khoa học. Trong quá trình tự đánh giá Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch và phân công cụ thể cho từng thành viên. Để đảm bảo tính trung thực trong báo cáo, nhà trường đã thu thập các minh chứng chính xác, đó là bằng chứng cho thấy các hoạt động của nhà trường, sự phấn đấu vươn lên của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên. Bản báo cáo là công trình khoa học tập trung trí tuệ và công sức cao của tập thể, là nền tảng để nhà trường làm cơ sở phấn đấu trong những năm tiếp theo.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ:

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.

Mở đầu:

Trường trung học cơ sở Phan Tây Hồ có cơ cấu tổ chức bộ máy đúng quy định theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng như: hội đồng trường, hội đồng thi đua và khen thưởng, hội đồng kỷ luật và các hội đồng tư vấn khác như: (hội đồng khoa học; hội đồng coi kiểm tra, chấm kiểm tra; hội đồng xét duyệt lên lớp, ở lại lớp; hội đồng chấm thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường, ...). Các hội đồng có đủ cơ cấu, thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định. Các đoàn thể trong nhà trường gồm: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng của mình.

Trường có 59 lớp, trong đó 59/59 lớp học 02 buổi/ngày, đạt tỉ lệ 100%. Mỗi khối lớp đều được bố trí giáo viên chủ nhiệm hợp lý, có đủ giáo viên dạy bộ

môn. Số học sinh trung bình mỗi lớp là 44 em. Mỗi lớp có ban cán sự lớp. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động nề nếp, đáp ứng tốt việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2026. Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng dựa trên các căn cứ: Luật giáo dục, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận Gò Vấp; Nghị quyết Đảng bộ Phường 16 và tình hình thực tế của nhà trường. Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật

giáo dục nhằm giúp học sinh có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động. Nội dung phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương Phường 16, quận Gò Vấp văn minh, giàu đẹp và nghĩa tình theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất của giai đoạn 2021 - 2026 [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

b) Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2026 được thể hiện trong văn bản Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp phê duyệt vào đầu năm học 2021 - 2022 [H1-1.1-01].

c) Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2026 được công bố bằng hình thức niêm yết công khai tại bảng tin trường, công khai trong cuộc họp hội đồng sư phạm nhưng chưa được công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 2

Các mục tiêu của chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được thực hiện thông qua kế hoạch từng năm học và tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm kết quả cuối năm [H1-1.1-02]; [H1-1.2-04].

Mức 3

Trường có thực hiện việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện để từ đó có cơ sở bổ sung, điều chỉnh nội dung chiến lược của trường nhằm phù hợp với tình hình thực tế [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, việc rà soát, đánh giá kết quả chưa được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục và chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

2. Điểm mạnh:

Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Công tác rà soát, đánh giá kết quả thực hiện để điều chỉnh, bổ sung chiến lược chưa được thực hiện thường xuyên và chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh, cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ học kỳ II, năm học 2024 - 2025, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung nội dung Chiến lược phát triển; Hội đồng trường thực hiện việc rà soát, đánh giá thường xuyên đồng thời so sánh, đối chiếu mục tiêu chung của ngành và địa phương với mục tiêu của nhà trường để bổ sung, điều chỉnh nội dung trong Chiến lược.

Từ học kỳ II, năm học 2024 - 2025, hiệu trưởng phân công các thành viên, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát thực hiện chiến lược, phân công nhân viên phụ trách công nghệ thông tin công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử Chiến lược phát triển nhà trường để tranh thủ sự tham gia, đóng góp ý kiến của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1**

- a) Hội đồng trường được thành lập theo quy định tại Điều 10, khoản 1, điểm b, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường

trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hội đồng trường trung học cơ sở Phan Tây Hồ gồm có 11 thành viên [H1-1.2-01]. Thành viên của hội đồng trường thường tập trung vào đội ngũ cán bộ cốt cán là đại diện tổ trưởng chuyên môn, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ Văn phòng, đại diện chính quyền địa phương, đại diện Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, đại diện học sinh nhà trường. Ngoài ra, trường còn thành lập các hội đồng khác theo quy định tại Điều 12, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT như: hội đồng thi đua và khen thưởng [H1-1.2-02], hội đồng kỷ luật, hội đồng khoa học [H1-1.2-03], hội đồng xét duyệt kết quả học tập và rèn luyện phẩm chất của học sinh [H1-1.2-04].

b) Hội đồng trường thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 10, khoản 1, điểm c, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; quyết nghị chiến lược, kế hoạch và phương hướng phát triển nhà trường; quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; giám sát thực hiện quyết nghị của hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường. Tổ chức họp định kỳ 3 lần /năm, rà soát các chỉ tiêu của năm học và đề ra các giải pháp hoàn thành các chỉ tiêu của từng năm. Các thành viên của hội đồng trường có trách nhiệm cao, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao, đạt được các chỉ tiêu đề ra [H1-1.2-05].

c) Hoạt động của các hội đồng trong nhà trường thường xuyên được rà soát đánh giá định kì hàng quý theo đúng quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở. Nội dung các buổi họp nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của trường, bàn bạc và thống nhất các nhiệm vụ sắp tới. Các thành viên trong hội đồng trường đã tham gia đóng góp ý kiến cho các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, việc rà soát, đánh giá chưa thể hiện rõ trong báo cáo sơ kết, tổng kết hay biên bản đánh giá cuối năm và còn một vài thành viên hội đồng trường chưa tích cực phát biểu trong các cuộc họp [H1-1.2-05].

Mức 2

Trong những năm học qua, hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường hoạt động hiệu quả. Tất cả các hoạt động, nội dung có liên quan đến nhà trường được báo cáo, đưa ra hội đồng thảo luận, bàn bạc và thống nhất thông qua một cách công khai, minh bạch, đảm bảo quy chế dân chủ nên đã góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh:

Hội đồng trường và các hội đồng khác đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, đã phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu:

Hoạt động của hội đồng trường được rà soát, đánh giá hàng năm nhưng chưa thể hiện rõ trong báo cáo sơ kết, tổng kết hay biên bản đánh giá cuối năm.

Một vài thành viên hội đồng trường chưa tích cực phát biểu trong các cuộc họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Cuối tháng 3 năm 2025, chủ tịch hội đồng trường phân công nhiệm vụ cho các thành viên hội đồng trường và các hội đồng khác trong việc thực hiện rà soát, đánh giá và thể hiện rõ trong các báo cáo của trường.

Cán bộ quản lý tăng cường công tác đối thoại, trao đổi, thu thập ý kiến từ các thành viên của hội đồng, khuyến khích tổ trưởng tổ văn phòng và thư ký hội đồng trường mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các tổ chức chính trị và xã hội theo đúng quy định. Ban Chấp hành Công đoàn nhà trường gồm 05 đồng chí, có cơ cấu tổ chức theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam [H1-1.3-01]. Ban Chấp hành Chi đoàn trường gồm 05 đồng chí, có cơ cấu tổ chức theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-02]. Liên đội trường có cơ cấu tổ chức theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-03]. Ban Chấp hành Chi hội Khuyến học Trường trung học cơ sở Phan Tây Hồ nhiệm kỳ 2022 - 2026 được Hội Khuyến học Phường 16, quận Gò Vấp công nhận với tổng số hội viên là 18 người [H1-1.3-04]. Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ trường nhiệm kỳ 2021 - 2026 được Hội Chữ thập đỏ quận Gò Vấp công nhận gồm 11 người [H1-1.3-05].

b) Công đoàn trường hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam, trong khuôn khổ của Hiến pháp và Pháp luật, theo quy định của Luật Công đoàn, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ và công khai của nhà trường, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của công đoàn viên; động viên, khuyến khích công đoàn viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tổ chức sinh hoạt định kỳ

hàng tháng [H1-1.3-01]. Chi đoàn hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trong khuôn khổ của Hiến pháp và Pháp luật, có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, kế hoạch hoạt động tháng; tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng theo quy định, tổ chức Đại hội Chi đoàn theo hướng dẫn của Đoàn Phường 16 và Quận Đoàn Gò Vấp; các hoạt động của chi đoàn góp phần tích cực trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-02]. Liên đội hoạt động theo Điều lệ Đội và quy định của pháp luật; có xây dựng chương trình hoạt động năm, kế hoạch tháng; tổ chức các hoạt động phong trào góp phần giúp học sinh phát triển toàn diện [H1-1.3-03].

c) Hàng năm, các hoạt động của các tổ chức và đoàn thể trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá và được thể hiện trong kết quả thi đua cuối năm của nhà trường. Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024 đều được đánh giá, xếp loại xuất sắc [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có chi bộ độc lập. Chi bộ trường trung học cơ sở Phan Tây Hồ được thành lập ngày 17 tháng 01 năm 2001, trực thuộc Đảng bộ Phường 16, quận Gò Vấp. Tại thời điểm năm 2025, chi bộ có 31 đảng viên (29 đảng viên chính thức, 02 đảng viên dự bị và 01 đảng viên biệt phái về sinh hoạt tại chi bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo). Cấp ủy chi bộ gồm 03 đồng chí (01 bí thư, 01 phó bí thư, 01 chi ủy viên) lãnh đạo nhà trường [H1-1.3-06]. Chi bộ hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và trong khuôn khổ của Hiến pháp và Pháp luật [H1-1.3-06]. Hằng năm, thực hiện hướng dẫn của Đảng ủy Phường 16, chi bộ tổ chức đánh giá phân loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, kết quả từ năm 2020 đến nay, chi bộ nhà trường được Đảng ủy Phường 16, quận Gò Vấp đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong đó, năm 2019, 2020, 2021, 2022, chi bộ được xếp loại “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”; năm 2023, 2024, chi bộ được xếp loại “Trong sạch vững mạnh” [H1-1.3-06].

Năm	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Xếp loại chi bộ	Trong sạch vững mạnh tiêu biểu	Trong sạch vững mạnh tiêu biểu	Trong sạch vững mạnh tiêu biểu	Trong sạch vững mạnh tiêu biểu	Trong sạch vững mạnh	Trong sạch vững mạnh

b) Công đoàn nhà trường tổ chức cho công đoàn viên tham gia đầy đủ các hoạt động do Công đoàn cấp trên phát động, tổ chức. Chi đoàn và Liên đội trường đã tổ chức nhiều hoạt động cho giáo viên, học sinh tham gia như: ngày hội An toàn giao thông, Ngày hội Đoàn viên làm theo lời Bác tiến bước theo Đảng, Ngày chủ nhật xanh [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-07]. Tuy nhiên, có một vài đoàn viên vì con còn nhỏ nên chưa thường xuyên tham gia đầy đủ các hoạt động phong trào của Chi đoàn.

Mức 3

a) Từ năm 2019 đến năm 2024, Chi bộ trường trung học cơ sở Phan Tây Hồ được đánh giá mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Đảng ủy Phường 16 công nhận Chi bộ vững mạnh tiêu biểu năm 2020, 2021, 2022 và được nhận Giấy khen của Đảng ủy Phường 16 [H1-1.3-06].

b) Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường. Công đoàn nhà trường luôn đạt danh hiệu Công đoàn vững mạnh xuất sắc, Chi đoàn, Liên đội đạt xuất sắc [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh:

Cơ cấu tổ chức của chi bộ và các đoàn thể trong nhà trường đầy đủ, hoạt động hiệu quả, đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Còn một vài đoàn viên chưa thường xuyên tham gia đầy đủ các hoạt động của Chi đoàn do con còn nhỏ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ tháng 3 năm 2025, Cấp ủy Chi bộ nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn, định

hướng Chi đoàn giáo viên tổ chức những hoạt động phù hợp với tình hình. Ban Chấp hành Chi đoàn phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực, điều kiện, hoàn cảnh cá nhân trong các hoạt động có liên quan để các thành viên tham gia sinh hoạt và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Cán bộ quản lý quan tâm sắp xếp thời gian phù hợp, tạo điều kiện về kinh phí tổ chức hoạt động cho giáo viên, nhân viên có năng lực, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động, phong trào của nhà trường và các cấp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a) Trường trung học cơ sở Phan Tây Hồ là trường hạng I, có hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng theo quy định tại Điều 11, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban

hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.4-01].

b) Trường có 10 tổ chuyên môn gồm: (tổ Ngữ văn; Lịch sử và Địa lí; Giáo dục công dân; tiếng Anh; Toán; Khoa học tự nhiên; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Công nghệ và Tin học; Văn - Thể - Mỹ; Giáo dục địa phương, mỗi tổ chuyên môn có 01 tổ trưởng (đối với tổ có 09 thành viên trở lên có 01 tổ phó) do hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và giao nhiệm vụ vào đầu năm học [H1-1.4-02]. Trường có 01 tổ văn phòng, có tổ trưởng và tổ phó do hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 14, Điều 15, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.4-02].

c) Hàng năm, tổ chuyên môn và tổ văn phòng có xây dựng kế hoạch hoạt động, hướng dẫn tổ viên xây dựng hoạt động cá nhân theo phân phối chương trình và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường [H1-1.4-03]; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ qua tiết thao giảng và báo cáo chuyên đề, tự học bồi dưỡng thường xuyên; tham gia đánh giá, xếp loại theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên, họp xét thi đua mỗi học kỳ; hàng tháng có báo cáo cho Hiệu trưởng [H1-1.4-04].

Mức 2:

a) Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hàng năm, trường tổ chức ít nhất hai chuyên đề cấp quận và mỗi tổ đều có một chuyên đề, một tiết thao giảng cấp trường với nội dung trọng tâm về việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả giáo dục như: Chuyên đề “Đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học”; “Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh”; “Phát huy tác dụng của bảng tương tác trong giảng dạy”; “Dạy theo định hướng giáo dục STEM”; “Tập huấn tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo” [H1-1.4-03].

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức họp ít nhất 02 tuần/01 lần để rà soát và đánh giá các hoạt động của tổ cũng như điều chỉnh giải pháp thực hiện kế hoạch của tổ [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Từ việc kịp thời bổ sung, điều chỉnh nội dung sinh hoạt, chuyên môn, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã có những hoạt động chất lượng, đổi mới phương pháp giảng dạy, giáo dục học sinh, góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ trong việc nâng cao chất lượng dạy và học [H1-1.2-04]. Năm học 2020 - 2021, nhà trường được nhận Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” [H1-1.4-04]. Tuy nhiên, việc vận dụng ứng dụng công nghệ thông tin của một vài giáo viên lớn tuổi còn chậm [H1-1.2-05].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục như: “Đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học”; “Thực hành, ứng dụng một số về phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực”; “Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong công tác giáo dục học sinh” [H1-1.4-03]. Các hội thi khoa học kỹ thuật cấp trường tạo sân chơi bổ ích cho học sinh như: Ngày hội giáo dục STEM, Nghiên cứu khoa học [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hằng năm có xây dựng kế hoạch, có tổ chức các chuyên đề nâng cao chất lượng dạy và học, các chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học, các hội thi khoa học kỹ thuật cấp trường tạo sân chơi bổ ích cho học sinh.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, việc vận dụng ứng dụng công nghệ thông tin của một vài giáo viên lớn tuổi còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 3 năm 2025, Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn theo dõi các hoạt động của tổ, xây dựng kế hoạch

bồi dưỡng, giúp đỡ giáo viên lớn tuổi, kiểm tra việc thực hiện, vận dụng các chuyên đề đổi mới phương pháp đã được triển khai.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

1. Mô tả hiện trạng:

a) Toàn trường có 59 lớp/2592 học sinh, có đầy đủ 04 khối lớp, từ khối lớp 6 đến khối lớp 9 theo quy định. Sĩ số bình quân 44 học sinh/lớp. Lớp có sĩ số đông nhất là 53 học sinh [H1-1.5-01]. Một số lớp vượt quá 45 học sinh/lớp, chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 3, Điều 16, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.5-01].

b) Mỗi lớp học đều có Ban cán sự lớp gồm 01 lớp trưởng và 04 lớp phó. Lớp được chia thành bốn tổ học sinh, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do học sinh trong lớp bầu ra [H1-1.5-02]. Mỗi lớp phân công 01 giáo viên chủ nhiệm quản lý, xây dựng nề nếp, thực hiện nội quy nhà trường và theo dõi tình hình học tập của học sinh [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

c) Lớp học hoạt động trên nguyên tắc tự quản, dân chủ; lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng do học sinh trong lớp bầu, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm. Ban cán sự lớp được luân phiên thay đổi trong năm học thúc đẩy hoạt động học tập và phong trào của lớp đạt hiệu quả cao [H1-1.5-04].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9. Mỗi lớp học có 01 giáo viên chủ nhiệm và ban cán sự lớp theo đúng quy định của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Lớp học hoạt động trên nguyên tắc tự quản,

dân chủ.

3. Điểm yếu:

Số lượng lớp của nhà trường cao hơn số lượng lớp theo quy định.

Một số lớp, sĩ số học sinh vượt quá số lượng theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 5 năm 2025, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp về việc phân tuyến tuyển sinh lớp 6 nhằm giảm số lớp và giảm sĩ số học sinh trong một lớp theo đúng quy định.

Cuối mỗi năm học, giáo viên chủ nhiệm các lớp tiếp tục thống kê số lượng, chất lượng học sinh để cán bộ quản lý nhà trường sắp xếp lớp học nhằm đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp yêu cầu khi tổ chức hoạt động.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện hệ thống hồ sơ sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hồ sơ được lưu trữ theo quy định tại các bộ phận như: Sổ đăng bộ, sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến, sổ quản lý cấp phát bằng, sổ ghi đầu bài [H1-1.6-01], sổ gọi tên ghi điểm, học bạ học sinh, sổ quản lý và lưu trữ các văn bản, công văn đi, công văn đến [H1-1.6-01]; hồ sơ thi đua khen thưởng [H1-1.2-02]; sổ quản lý tài sản thiết bị giáo dục [H1-1.6-03]; sổ quản lý tài chính [H1-1.6-04]; hồ sơ quản lý thư viện [H1-1.6-05]; hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh [H1-1.6-06]; hồ sơ tổ chuyên môn (kế hoạch hoạt động chuyên môn) [H1-1.4-03]; hồ sơ giáo viên: kế hoạch bài dạy; sổ theo dõi đánh giá học sinh [H1-1.6-07]; sổ chủ nhiệm lớp (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm) [H1-1.5-02]. Các hồ sơ được cập nhật và lưu trữ đầy đủ, khoa học.

b) Hằng năm, bộ phận kế toán lập dự toán năm gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch quận trong quý 4 [H1-1.6-04]; thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng biểu mẫu, đúng thời gian, đúng quy định [H1-1.6-08]. Hằng tháng, trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường công khai tài chính để cán bộ, giáo viên, nhân viên biết và tham gia giám sát, kiểm tra, đồng thời niêm yết công khai tại phòng hội đồng giáo viên [H1-1.6-08]; công tác kiểm tra tài chính được tiến hành định kỳ đúng quy định [H1-1.6-08]. Quy chế chi tiêu nội bộ xây dựng chi tiết cụ thể, được các tổ thảo luận và góp ý phù hợp với điều kiện và quy định từng năm, quy chế có hiệu lực sau khi đã thống nhất trong hội nghị viên chức, người lao động tổ chức vào đầu mỗi năm học [H1-1.3-01].

c) Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017, đúng quy chế, đúng mục đích đạt hiệu quả, đảm bảo các hoạt động giảng dạy của giáo viên và hoạt động học tập

của học sinh, đồng thời góp phần ổn định tăng thu nhập cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-08].

Mức 2:

a) Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điểm học sinh (thông qua sổ điểm điện tử, tin nhắn điện tử, thông tin đến phụ huynh hàng ngày), sử dụng phần mềm quản lý tài chính, tài sản IMAS [H1-1.6-11].

b) Từ năm 2019 đến nay, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý tài chính, tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm tra [H1-1.6-08].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch tạo nguồn tài chính từ công tác xã hội hóa giáo dục để phát triển nhà trường. Kinh phí của nhà trường chủ yếu từ ngân sách nhà nước, nguồn thu học phí [H1-1.6-08].

2. Điểm mạnh

Hồ sơ của nhà trường có đầy đủ, cập nhật chính xác và được bảo quản tốt.

Quy chế chi tiêu nội bộ xây dựng chi tiết rõ ràng, được thảo luận và điều chỉnh trong hội nghị viên chức, người lao động đầu năm học.

Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản đúng quy chế, đúng mục đích đạt hiệu quả, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo kết luận của bộ phận thanh tra, kiểm tra.

3. Điểm yếu

Chưa có kế hoạch tạo nguồn tài chính từ công tác xã hội hóa giáo dục để phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 9 năm 2025, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực tài chính để phát triển nhà trường từ công tác xã hội hóa. Ban Chấp hành Công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân tiếp tục tích cực kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.7-01]. Đề cử giáo viên tham gia các lớp: Bồi dưỡng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, bồi dưỡng tổ trưởng chuyên môn, bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm, lớp trung cấp lý luận chính trị, lớp bồi dưỡng nhận thức kết nạp đảng, lớp bồi dưỡng phương pháp giảng dạy theo hướng giáo dục STEM [H1-1.7-02]. Tuy nhiên, vẫn còn 02 giáo viên đã đăng ký tham gia lớp học nhưng chưa có lớp để tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Nhà trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Việc phân công được công khai trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường đầu năm. Nguyên tắc phân công phù hợp trình độ đào tạo, đủ định mức dựa trên vị trí việc làm, cơ sở năng lực, bằng cấp của từng cá nhân, nhờ vậy, nhận được sự đồng tình cao của hội đồng sư phạm và đảm bảo được hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1-1.7-03].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo Luật viên chức, Luật lao động, được hưởng lương và các chế độ đúng theo mã ngạch và bậc của từng người trong bảng lương như: Lương, phụ cấp thâm niên nghề, phụ

cấp ưu đãi, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, các chế độ khác theo Quy chế chi tiêu nội bộ và Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động hằng năm, hỗ trợ phí đào tạo bồi dưỡng chuyên môn hằng năm [H1-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên, nhân viên phát huy hết khả năng của mình, giao việc đúng với khả năng và sở trường, mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu của giáo viên, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục của nhà trường: các bộ phận được đánh giá xếp loại tốt, chất lượng giáo dục của nhà trường đạt chỉ tiêu đề ra [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên, phân công hợp lý, tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

3. Điểm yếu

Còn 02 giáo viên đã đăng ký nhưng chưa có lớp để tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 8 năm 2025, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cử 02 giáo viên học lớp Cử nhân sư phạm.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên.

Tăng cường công tác thi đua, khen thưởng để động viên, khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên làm việc.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ, chú ý đến đối tượng đảng viên trẻ để phát huy năng lực.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được xây dựng, phê duyệt và được rà soát, đánh giá,

điều chỉnh kịp thời theo quy định;

c) Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện việc xây dựng kế hoạch giáo dục đầu năm học căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo cùng điều kiện thực tế của nhà trường. Kế hoạch giáo dục định hướng cho mọi hoạt động của nhà trường trong suốt năm học [H1-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục được xây dựng, tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong từng năm học do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp chỉ đạo, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương Phường 16 và hoạt động của nhà trường. Định kỳ hàng tháng có tổ chức họp tổ chuyên môn để đánh giá, rà soát, bổ sung điều chỉnh kế hoạch giáo dục kịp thời theo quy định [H1-1.4-03]; [H1-1.6-02].

c) Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường phù hợp với đối tượng học sinh và tình hình thực tế của nhà trường và địa phương Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, đảm bảo chất lượng và hiệu quả [H1-1.4-04].

Mức 2:

Các hoạt động giáo dục diễn ra trong nhà trường được kiểm tra, đánh giá để rà soát, điều chỉnh biện pháp thực hiện một cách kịp thời, phù hợp nên chất lượng hoạt động giáo dục của nhà trường luôn được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp công nhận là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.2-05].

Nhà trường triển khai các văn bản chỉ đạo về dạy thêm, học thêm của các cấp đến giáo viên, học sinh đầy đủ. Tuy nhiên, công tác quản lý, giám sát việc dạy

thêm học thêm ngoài nhà trường chưa thực hiện thường xuyên [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương và phù hợp với tình hình thực tế nhà trường.

Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường phù hợp với đối tượng học sinh, tổ chức họp tổ chuyên môn đánh giá, rà soát và bổ sung kế hoạch đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Công tác quản lý, giám sát việc dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 3 năm 2025, hiệu trưởng chỉ đạo cho phó hiệu trưởng phối hợp với chính quyền địa phương Phường 16, quận Gò Vấp tìm giải pháp quản lý giám sát việc dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường chặt chẽ hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại cơ sở, tạo điều kiện cho

mọi cá nhân trong hội đồng nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp để xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại đơn vị, phát huy được sức mạnh tập thể, tạo được khối đoàn kết, nhất trí trong toàn đơn vị để thực hiện nhiệm vụ giáo dục chung. Tuy nhiên, vẫn còn một vài cá nhân ít phát biểu ý kiến trong các cuộc họp [H1-1.9-01].

b) Trong các năm học qua, mọi ý kiến, thắc mắc của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường về giải quyết chế độ, chính sách, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đều được giải quyết đúng pháp luật; không có khiếu nại, tố cáo xảy ra tại trường [H1-1.9-02].

c) Hàng năm, nhà trường thực hiện các báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở thông qua Hội nghị viên chức, người lao động [H1-1.6-09]; [H1-1.9-03].

Mức 2:

Nhà trường đã đề ra và thực hiện tốt các biện pháp như: tất cả nội dung đều được đưa ra cuộc họp hội đồng sư phạm trường thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên; phát huy vai trò phối hợp giám sát của Ban Thanh tra nhân dân thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra, đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện một cách công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy được sức mạnh tập thể, tạo khối đoàn kết cùng phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Một vài cá nhân còn ít phát biểu ý kiến trong các cuộc họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương về quy chế dân chủ đến cán bộ, giáo viên, nhân viên; điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện và triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả công tác này tại trường;

Hiệu trưởng khuyến khích và lắng nghe các cá nhân phát biểu ý kiến đóng góp trong các cuộc họp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;*

b) *Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

c) *Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

a) *Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

b) *Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định: Phương án chống cháy nổ [H1-1.10-01]; Phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; Quy chế phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh với công an đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-03]; Phương án đảm bảo an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và

phòng, chống bạo lực trong nhà trường; nhà trường thực hiện tự chế biến suất ăn cho học sinh, được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.10-02]. Nhân viên phục vụ được kiểm tra sức khỏe định kỳ [H1-1.10-04]. Nhà trường không có dịch bệnh, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm xảy ra trong những năm qua [H1-1.10-02].

b) Trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và trao đổi qua điện thoại, tin nhắn EnetViet để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Hộp thư góp ý chưa phát huy hiệu quả, chưa nhận được nhiều thông tin. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với Công an Phường 16, thường xuyên kiểm tra khu vực xung quanh trường để kịp thời phát hiện những tình huống gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự trường học đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-03], có hợp đồng thuê 05 nhân viên dân phòng của Phường 16 thực hiện công tác an toàn trước cổng trường trong giờ học sinh đến trường và ra về [H1-1.10-03].

c) Trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, hành vi bạo lực trong nhà trường; nhà trường đã tích cực xây dựng phong trào “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, tổ chức các buổi ngoại khóa rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh [H1-1.10-05].

Mức 2:

a) Cán bộ giáo viên được tập huấn phương án phòng cháy chữa cháy hằng năm [H1-1.10-01]. Hằng tuần, học sinh được tuyên truyền, nhắc nhở về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, tệ nạn xã hội [H1-1.10-02], có tổ chức sinh hoạt về chuyên đề phòng chống bạo lực, xâm hại [H1-1.10-06].

b) Cán bộ, giáo viên, nhân viên và các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự thông qua hệ thống camera giám sát, hộp thư góp ý và hồ sơ quản lý kỷ luật học sinh [H1-1.10-07]. Thường xuyên có công văn đề xuất với chính quyền địa phương phối hợp, hỗ trợ ngăn chặn các hành vi bạo lực

ngoài cổng trường, các hành vi vi phạm an ninh trật tự như bán hàng rong, đưa xe [H1-1.10-03]. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng phụ huynh đậu xe trước cổng trường vào đầu giờ học sinh đến trường và cuối giờ học sinh ra về.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

3. Điểm yếu:

Vẫn còn tình trạng phụ huynh đậu xe trước cổng trường vào đầu giờ học sinh đến trường và cuối giờ học sinh ra về.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ tháng 3 năm 2025, hiệu trưởng chỉ đạo Tổng phụ trách Đội, giáo viên chủ nhiệm lớp tiếp tục thường xuyên giáo dục học sinh ý thức giữ gìn an ninh, an toàn trường học trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh tuyên truyền, nhắc nhở cha mẹ học sinh giữ gìn an ninh, an toàn trường học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

* Điểm mạnh nổi bật:

- Chiến lược phát triển nhà trường đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

- Hội đồng trường và các hội đồng khác đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, đã phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giáo dục trong nhà trường.

- Nhà trường đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định; thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên: phân công hợp lý, tạo điều kiện cho học tập, bồi dưỡng, đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

- Trường thực hiện tốt việc xây dựng cơ cấu tổ chức các lớp học theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở; xây dựng tốt kế hoạch giáo dục và thực hiện đầy đủ các nội dung của kế hoạch; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Nhà trường thực hiện việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản tốt; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

* Điểm yếu cơ bản:

- Công tác rà soát, đánh giá kết quả để điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên liên tục, chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

- Một vài cá nhân còn ít phát biểu ý kiến trong các cuộc họp.

- Số lớp vượt quá quy định. Một số lớp, tỷ lệ bình quân học sinh/lớp đông chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở.

- Vẫn còn tình trạng phụ huynh đậu xe trước cổng trường vào đầu giờ học sinh đến trường và cuối giờ học sinh ra về.

* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý của trường trung học cơ sở Phan Tây Hồ có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có phẩm chất đạo đức nhà giáo trong sáng, có năng lực lãnh đạo và quản lý chuyên môn vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm trong công tác, quản lý chặt chẽ các hoạt động toàn diện của nhà trường, tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch trên cơ sở các nội dung, yêu cầu và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng.

Số lượng giáo viên, nhân viên của trường đảm bảo yêu cầu quy định và được đào tạo chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao. Tinh thần đoàn kết nội bộ trong nhà trường được củng cố và phát triển không ngừng. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường luôn nêu cao tinh thần tương thân

tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ nhau trong những lúc khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống đời thường, điều đó thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng phát triển vững mạnh.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 03 cán bộ quản lý, đạt trình độ chuẩn đào tạo 100%, trong đó 02 cán bộ quản lý trình độ chuyên môn, quản lý thạc sĩ trên chuẩn đào tạo; 03/03 cán bộ quản lý đạt trình độ trung cấp chính trị. Hiệu trưởng (thầy Nguyễn Văn Hiền) có thời gian giảng dạy 07 năm. Phó hiệu trưởng 1 (thầy Nguyễn Đình San) có thời gian giảng dạy 14 năm. Phó hiệu trưởng 2 (cô Chung Thị Thanh Thúy) có thời gian giảng dạy 24 năm. [H1-1.4-01]; [H2-2.1-01].

b) Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, thực hiện theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá chuẩn hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đạt mức tốt [H2-2.1-02].

Năm học	Đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng		
	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng 1	Phó Hiệu trưởng 2
2019 - 2020	Tốt	Tốt	Tốt
2020 - 2021	Tốt	Tốt	Tốt
2021 - 2022	Tốt	Tốt	Tốt
2022 - 2023	Tốt	Tốt	Tốt
2023 - 2024	Tốt	Tốt	Tốt

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng trung cấp lý luận chính trị; được cấp chứng chỉ bồi dưỡng hiệu trưởng, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục. Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đã được tham gia lớp Bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, hằng năm tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ do các cấp tổ chức theo đúng quy định [H2-2.1-03].

Mức 2:

a) Từ năm học 2019 - 2020 đến nay, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và được đánh giá đạt mức hoàn thành tốt [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đã có bằng trung cấp lý luận chính trị, có phẩm chất chính trị tốt được giáo viên, nhân viên nhà trường tín nhiệm [H2-2.1-04].

Mức 3:

Từ năm học 2019 - 2020 đến nay, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường được đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt mức hoàn thành tốt [H2-2.1-04]. Tuy nhiên, khả năng giao tiếp tiếng Anh với giáo viên bản ngữ và người nước ngoài còn hạn chế.

2. Điểm mạnh:

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đảm bảo số năm dạy lớp theo quy định và đạt mức hoàn thành tốt theo chuẩn hiệu trưởng, có phẩm chất chính trị tốt, có năng lực quản lý chuyên môn vững vàng, được tập thể tin nhiệm.

3. Điểm yếu:

Khả năng giao tiếp tiếng Anh với giáo viên bản ngữ và người nước ngoài còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 6 năm 2025, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tham gia lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh với giáo viên bản ngữ và người nước ngoài, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong xu thế hội nhập hiện nay.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

a) Hiện tại, nhà trường có 94 giáo viên (biên chế), 06 giáo viên thỉnh giảng/59 lớp, tỷ lệ 1,69 giáo viên/lớp, đủ số lượng giáo viên giảng dạy các bộ môn theo quy định tại Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn khung danh mục việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; việc phân công bố trí giáo viên giảng dạy ở tất cả các bộ môn đúng theo quy định chế độ làm việc được quy định tại Thông tư số 15/2007/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông [H2-2.2-01]; [H1-1.7-03].

b) Giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 30, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên (hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm) hoặc có bằng cử nhân (bằng tốt nghiệp đại học) chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật là 92/94 giáo viên - tỷ lệ 98%. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng thực hiện lộ trình

nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh là 02/98 giáo viên - tỷ lệ 02% [H2-2.2-02].

Năm học	Tổng số giáo viên	Trình độ giáo viên		
		Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ
2019 - 2020	101	13	85	03
2020 - 2021	104	11	90	03
2021 - 2022	100	08	87	05
2022 - 2023	106	07	83	06
2023 - 2024	97	02	87	08

c) Xếp loại chung của giáo viên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024 đạt 100% từ mức khá trở lên, không có giáo viên xếp loại yếu kém [H2-2.2-03]; [H2-2.2-04].

Năm học	Tổng số giáo viên	Xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên			
		Chưa đạt	Đạt	Khá	Tốt
2019 - 2020	101	00	00	68	33
2020 - 2021	102	00	00	68	34
2021 - 2022	100	00	00	68	32
2022 - 2023	96	00	00	45	51
2023 - 2024	97	00	00	34	63

Mức 2:

a) Trong 5 năm liên tiếp, từ năm học 2019 - 2020 đến nay, tỷ lệ giáo viên của nhà trường đạt trên chuẩn đào tạo tăng dần theo từng năm học, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

b) Giáo viên của nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá

không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.10-05]; [H2-2.2-05]; [H2-2.2-06].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có trên 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Năm học 2023 - 2024, tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên là 100%, trong đó có trên 35% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-04].

b) Giáo viên có tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học và đạt kết quả cao. Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024 đạt 25 giải cấp thành phố. Tuy nhiên, chưa có giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học đạt giải cấp quốc gia [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

100% đội ngũ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở từ mức khá trở lên. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đào tạo tăng dần theo từng năm học.

Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học và đạt nhiều giải cấp thành phố. Từ năm học 2019 - 2020 đến nay không có giáo viên bị hình thức kỷ luật.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học đạt giải cấp quốc gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện về thời gian cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ dài hạn và ngắn hạn.

Tháng 8 năm 2025, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn đề ra biện pháp động viên, khuyến khích giáo viên tham gia các khóa tập huấn hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**Mức 1:**

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

a) Số lượng nhân viên đủ theo quy định về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập ban hành kèm Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017. Tổ văn phòng có 11 nhân viên gồm: 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị, 01 nhân viên phụ trách y tế, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 nhân viên phụ trách công nghệ thông tin, 01 nhân viên phục vụ học sinh khuyết tật hòa nhập và 03 nhân viên bảo vệ, 25 nhân viên phục vụ (gồm 02 nhân viên cấp dưỡng, 05 nhân viên tạp vụ và 18 nhân viên phục vụ học sinh bán trú). Nhà trường thực hiện phân công giáo viên và nhân viên kiêm nhiệm để đảm bảo các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công: giáo viên dạy lớp kiêm Thanh tra nhân dân, Ban Chấp hành Chi đoàn, Ban Chấp hành Công đoàn; giáo viên dạy lớp kiêm nhiệm phụ trách học vụ; giáo viên dạy lớp kiêm công tác giám thị [H2-2.3-01].

b) Nhân viên được phân công phù hợp, hợp lý theo năng lực và bằng cấp chuyên môn. Tổ văn phòng có 11 nhân viên gồm: 01 nhân viên kế toán (trình độ đại học kế toán), 01 nhân viên văn thư (trình độ trung cấp), 01 nhân viên thư viện (trình độ cao đẳng thư viện), 01 nhân viên thiết bị (trình độ đại học), 01 nhân viên y tế (trình độ trung cấp y tế), 01 nhân viên thủ quỹ (trình độ đại học kế toán), 01 nhân viên công nghệ thông tin (trình độ cử nhân sư phạm), 03 nhân viên bảo vệ có trình độ văn hóa phổ thông. Nhân viên phục vụ có 25 nhân viên trong đó có 02 nhân viên cấp dưỡng trình độ trung cấp nấu ăn, số còn lại trình độ trung học phổ thông [H2-2.3-01]. Tuy nhiên, trường còn thiếu nhân viên phục vụ học sinh khuyết tật hòa nhập phải thực hiện hợp đồng lao động do chưa tuyển dụng được.

c) Nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.2-06], cuối năm được đánh giá viên chức đạt từ mức khá trở lên [H2-2.3-02].

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đủ theo quy định gồm: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị, 02 nhân viên y tế, 01 nhân viên thủ quỹ, 02 giám thị và 04 nhân viên bảo vệ, 01 giáo viên phụ trách công nghệ thông tin, 25 nhân viên phục vụ, theo Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập ban hành kèm Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 [H2-2.3-01].

b) Từ năm học 2019 - 2020 đến tại thời điểm đánh giá không có nhân viên bị xử lý kỷ luật [H2-2.3-02].

Mức 3:

a) Đội ngũ nhân viên được phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực chuyên môn [H2-2.3-01]. Tuy nhiên, trường còn thiếu nhân viên phục vụ học sinh khuyết tật hòa nhập phải thực hiện hợp đồng lao động do chưa tuyển dụng được.

b) Đội ngũ nhân viên được nhà trường tạo điều kiện tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn bồi dưỡng theo vị trí việc làm như: Kế toán tham gia các lớp

tập huấn do Phòng Tài chính và Kế hoạch quận Gò Vấp tổ chức về nghiệp vụ quản lý tài sản, tài chính. Bảo vệ tham gia tập huấn kiến thức An ninh quốc phòng, phòng cháy chữa cháy, nhân viên phụ trách công nghệ thông tin được tham gia tập huấn về sử dụng các phần mềm quản lý nhân sự, quản lý học sinh [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ nhân viên được nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu:

Trường còn thiếu nhân viên phục vụ học sinh khuyết tật hòa nhập phải thực hiện hợp đồng lao động do chưa tuyển dụng được.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 5 năm 2025, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển dụng 01 nhân viên phục vụ học sinh khuyết tật hòa nhập.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Năm học 2024 - 2025, trường có 2592 em. Học sinh của nhà trường đảm bảo từ 11 tuổi đến 14 tuổi. Tuổi của học sinh tuyển mới vào học lớp 6 là 11

tuổi theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 33, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H2-2.4-01].

b) Học sinh có ý thức trách nhiệm, thực hiện tốt nội quy nhà trường, không vi phạm quy định về các hành vi học sinh không được làm theo Điều 34 và Điều 36, Điều 37 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định trong Luật trẻ em; đồng thời nhà trường xây dựng nội quy học sinh để cụ thể hóa các yêu cầu nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của học sinh [H1-1.2-05]. Tuy nhiên, còn một vài học sinh lớp 6 và lớp 7 năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác chưa cao.

c) Học sinh được đảm bảo các quyền hưởng thụ giáo dục, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập theo Điều 35, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, được nhà trường bảo vệ, đối xử bình đẳng; được tham gia các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao của trường, được tham gia các phong trào nhằm phát triển năng khiếu nếu có đủ điều kiện; được nghe báo cáo chuyên đề pháp luật liên quan đến quyền trẻ em, Luật trẻ em; đối với các học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhà trường có chế độ miễn giảm các khoản tiền học phí ở hai học kỳ. Liên đội có chương trình hỗ trợ tập võ, đồng phục cho học sinh vào dịp khai giảng năm học và tặng quà Tết Nguyên đán hằng năm [H2-2.4-02]; [H1-1.2-05].

Mức 2:

Học sinh được chú ý rèn luyện và giáo dục năng lực phẩm chất. Nhà trường đề ra các biện pháp kiểm tra, giám sát học sinh. Giáo viên chủ nhiệm quan tâm sâu sát việc thực hiện nội quy của học sinh, đưa ra biện pháp giáo dục phù hợp. Tổng phụ trách Đội thường xuyên nhắc nhở học sinh toàn

trường; thông qua Đội trực ban Sao đỏ, giáo viên giám thị quản lý trật tự nề nếp học sinh, học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời để ngăn chặn, xử lý và giáo dục và đã có chuyển biến tích cực, thực hiện tốt nội quy của lớp và nhà trường [H1-1.10-07].

Mức 3:

Hằng năm, trường có học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố, các giải thể thao. Thành tích của học sinh đã đóng góp tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh:

Học sinh của nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi quy định, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và không vi phạm quy định về các hành vi học sinh không được làm.

3. Điểm yếu:

Còn một vài học sinh lớp 6 và lớp 7 năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ học kỳ II, năm học 2024 - 2025, cán bộ, giáo viên nhà trường tiếp tục duy trì, đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh vào trường; giáo viên tổ chức cho học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh. Bộ phận chuyên môn chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch, đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức tổ chức lớp để kích thích hứng thú học tập và phát huy năng lực của học sinh.

Hiệu trưởng phổ biến, triển khai nội dung công tác chủ nhiệm cho giáo viên, chú ý phát huy năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

* Điểm mạnh nổi bật:

- Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đảm bảo số năm dạy lớp theo quy định và đạt hoàn thành tốt theo đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

- Nhà trường có tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo cao. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đào tạo tăng dần theo từng năm học.

- Đội ngũ nhân viên được nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp theo

năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Học sinh của nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi quy định, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của người học sinh và không vi phạm những quy định về các hành vi học sinh không được làm.

* Điểm yếu cơ bản:

- Trường còn thiếu nhân viên phục vụ học sinh khuyết tật hòa nhập phải thực hiện hợp đồng lao động do chưa tuyển dụng được.

- Còn một số học sinh lớp 6, 7 năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác chưa tốt.

* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Nhà trường có một điểm trường, có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, tường rào, sân chơi sạch đẹp; có đủ các phòng học phục vụ cho hoạt động dạy và học. Trường có 04 khu nhà vệ sinh riêng biệt, có nơi để xe cho giáo viên và học sinh; có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện của trường có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo và phòng đọc sách đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh, có đủ các loại sổ sách theo quy định.

Hàng năm, trường có biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có, đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí về đồ dùng dạy học, thiết bị. Trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của

Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Vị trí đặt trường, điểm trường;

b) Quy mô;

c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng

các hạng mục công trình.

1. Mô tả hiện trạng:

a) Trường Trung học cơ sở Phan Tây Hồ tọa lạc tại địa chỉ số 535/29, đường Thống Nhất, Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường có 01 điểm trường (một cơ sở), có khuôn viên riêng biệt, được chia làm 4 khu. Vị trí nhà trường phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương Phường 16. Môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên, đảm bảo an toàn cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-01].

b) Năm học 2024 - 2025, nhà trường có quy mô 59 lớp/2592 học sinh, gồm 4 khối lớp (trong đó khối lớp 6: 14 lớp, khối lớp 7: 18 lớp, khối lớp 8: 15 lớp, khối lớp 9: 12 lớp) [H1-1.6-01].

c) Tổng diện tích của nhà trường là 6.248 m², tỷ lệ 2,41 m²/học sinh, chưa đảm bảo diện tích mặt bằng xây dựng bình quân tối thiểu 6m²/học sinh đối với khu vực thành phố [H3-3.1-01]. Diện tích sân chơi 2.800 m² chiếm tỷ lệ 22,3% so với diện tích đất của trường, chưa đảm bảo 1,50 m²/học sinh. Sân chơi bằng phẳng và sạch đẹp có cây xanh bóng mát, có lưới nan che nắng, phục vụ tốt cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh ngoài giờ lên lớp [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có 01 điểm trường, có khuôn viên riêng biệt. Vị trí nhà trường phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương. Môi trường xung quanh bảo đảm an toàn cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục, tạo nên môi trường học tập, làm việc tốt nhất đối với học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa đảm bảo diện tích mặt bằng xây dựng bình quân tối thiểu 6m²/học sinh đối với khu vực thành phố.

Diện tích sân chơi chưa đảm bảo đảm bảo 1,50 m²/học sinh theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 5 năm 2025 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng nhà trường

tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo đề xuất với Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp giảm dân số học sinh trong kế hoạch tuyển sinh lớp 6 đầu cấp để đảm bảo diện tích tối thiểu đạt $6\text{m}^2/\text{học sinh}$, có kế hoạch sửa chữa, cải tạo sân chơi để đảm bảo $1,50\text{m}^2/\text{học sinh}$.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;
- c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.

Mức 2:

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) Khối phòng hành chính quản trị; (có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;)

- b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;

Phòng học bộ môn: có tối thiểu 06 phòng học bộ môn, đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 07 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.

Khối phòng hỗ trợ học tập: Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.
(Khu vệ sinh học sinh: khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học.
Khu sân chơi, bãi tập, thể dục thể thao: Sân thể dục thể thao ngăn cách với các khối phòng chức năng bằng dải cây xanh cách ly, có khu vực tập thể dục thể thao có mái che.)

Mức 3:

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;

- Phòng học bộ môn: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 08 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: Phòng truyền thống và Phòng Đoàn, Đội bố trí riêng biệt.

b) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao.

- Phòng các tổ chuyên môn: có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn;

- Phòng nghỉ giáo viên: có tối thiểu 01 phòng, bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;

- Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

Khu sân chơi, thể dục thể thao

- Bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn;

- Nhà đa năng: đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động

chung của trường.)

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Khối phòng hành chính quản trị cơ bản đảm bảo theo đúng quy định gồm: 01 phòng hiệu trưởng diện tích 24 m², 01 phòng phó hiệu trưởng diện tích 48 m², 01 phòng văn phòng diện tích 24 m², 01 phòng tài vụ diện tích 24 m², 01 phòng tiếp dân diện tích 24 m², 01 phòng lưu trữ hồ sơ nhà trường diện tích 48 m², 01 phòng bảo vệ diện tích 15 m² [H3-3.2-01].

b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập: nhà trường có 57 phòng học, đủ số phòng học để đảm bảo cho 43 lớp học hai buổi/ngày (có phục vụ bán trú) và 16 lớp học hai buổi/ngày (không phục vụ bán trú). Mỗi phòng học diện tích 48 m² được đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học [H3-3.2-02]. Nhà trường đảm bảo trang trí lớp đúng quy định như ảnh Bác, bảng 5 Điều Bác Hồ dạy, bảng chữ cái, bảng trích thư Bác Hồ gửi học sinh, bản đồ Việt Nam, bảng tin lớp cho mỗi phòng học [H3-3.2-02]. Trường có 05 phòng học bộ môn gồm: 03 phòng học bộ môn Tin học, 01 phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên, 01 phòng Công nghệ. Trường chưa có phòng học riêng của các bộ môn: Âm nhạc và Mỹ thuật, ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí [H3-3.2-02].

Khối phòng hỗ trợ học tập: Nhà trường có 01 thư viện diện tích 96 m² chia làm 02 phòng (nơi làm việc của nhân viên thư viện và khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh); 01 phòng thiết bị giáo dục diện tích 48 m² có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường. Thư viện được trang bị 01 máy vi tính phục vụ cho công tác chuyên môn của nhân viên thư viện và 04 máy vi tính được kết nối Internet đáp ứng tốt nhu cầu đọc sách của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.2-03] [H3-3.2-04]; 01 phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập diện tích 24 m² được bố trí ở tầng trệt khu E; 01 phòng truyền thông diện tích 96 m² lưu giữ các hình ảnh, hoạt động và thành tích nhà trường; 01 phòng Đoàn, Đội diện tích 48 m² [H3-3.1-01]; [H3-3.2-02].

c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt gồm có: 01 phòng họp của toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường diện tích 120 m², trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành. Phòng các tổ chuyên môn: có 02 phòng sử dụng chung cho các tổ chuyên môn được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành. 01 phòng Y tế có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh. Nhà kho có 02 phòng để dụng cụ chung và học phẩm của trường. Khu để xe học sinh có mái che, ở vị trí khu E, gần phía cổng sau của nhà trường, nhà trường bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối cổng ra/vào [H3-3.1-02].

Khu nhà vệ sinh học sinh được bố trí ở các vị trí phù hợp theo các khu vực khối phòng học và phòng chức năng; phòng vệ sinh riêng biệt của học sinh nam nữ, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng. Trường có bố trí nhà vệ sinh kinh nguyệt cho các em học sinh nữ; loại hình nhà tiêu sử dụng bảo đảm các yêu cầu về xây dựng, sử dụng và bảo quản theo quy định của Bộ Y tế [H3-3.1-01]; [H3-3.4-04]. Tuy nhiên, số lượng thiết bị chưa đảm bảo: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh (máng tiểu chưa bảo đảm chiều dài máng 0,6 m cho 30 học sinh), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; chưa đảm bảo đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 20 học sinh. Khu vệ sinh riêng biệt đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường [H3-3.3-02].

Khuôn viên của nhà trường được ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây bảo vệ cao 1,5 m, bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường xây kiên cố, vững chắc có gắn 2 cánh cổng sắt, sơn màu đẹp và có biển tên trường theo đúng quy định [H3-3.1-02].

Khu sân chơi: có sân chung của trường để tổ chức các hoạt động chung, sân bằng phẳng được lát gạch xi măng, sân trường có cây xanh và được trang bị lưới nan che bóng mát [H3-3.1-02].

Trường không có nhà đa năng, không có sân riêng cho học sinh học thể dục thể thao, sân chơi đồng thời là sân học thể dục thể thao, trường có trang bị dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh bảo đảm an toàn [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Khối phòng hành chính quản trị có 01 phòng làm việc riêng cho hiệu trưởng và 01 phòng làm việc cho 02 Phó Hiệu trưởng [H3-3.2-02].

b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập: (phòng học bộ môn: chưa có đủ tối thiểu 07 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí. Khối phòng hỗ trợ học tập: thư viện bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt. Khu vệ sinh học sinh riêng cho mỗi dãy lầu, mỗi dãy phòng học [H3-3.2-02]. Trường không có nhà đa năng, không có sân riêng cho học sinh học thể dục thể thao, sân chơi đồng thời là sân học thể dục thể thao [H3-3.2-03].

Mức 3:

a) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập: trường chưa có đủ số phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí. Phòng truyền thống và phòng Đoàn, Đội được bố trí riêng biệt [H3-3.2-02].

b) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao: Các tổ chuyên môn chưa có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn. Phòng nghỉ giáo viên chưa có đủ số phòng bố trí liền kề với khối phòng học tập, chưa bảo đảm 10 lớp có 01 phòng. Phòng giáo viên diện tích 120 m² sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành [H3-3.2-02].

Khu sân chơi, thể dục thể thao: Trường chưa đảm bảo diện tích để bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn. Trường chưa có nhà đa năng, chưa có sân riêng cho học sinh học thể dục thể thao, sân chơi đồng thời là sân học thể dục thể thao của học sinh [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học, khối phòng hỗ trợ học tập được trang bị đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế học sinh, bàn ghế của giáo viên, bảng viết trong mỗi phòng học. Khuôn viên của nhà trường được ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây bảo đảm an toàn. Cổng trường xây kiên cố, vững chắc có cánh cổng sắt và có biển tên trường theo đúng quy định. Sân trường có cây xanh, được trang bị lưới nan che bóng mát.

3. Điểm yếu:

Trường chưa đảm bảo số phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các tổ chuyên môn chưa có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn.

Trường chưa có nhà đa năng, chưa có sân riêng cho học sinh học thể dục thể thao, sân chơi của học sinh đồng thời là sân học thể dục thể thao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 5 năm 2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng xin ý kiến Hội đồng trường tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo đề xuất với Ủy ban nhân dân quận cấp kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất; sắp xếp và biên chế các lớp học hợp lý để bố trí phòng học bộ môn, các phòng tương ứng với số tổ chuyên môn; bố trí sắp xếp sân riêng cho học sinh học thể dục thể thao theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Mức 1:

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;

- Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát

nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

- Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường;

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;

- Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm;

b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố (tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 40%, 60);

c) Thiết bị dạy học (được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (tỷ lệ các công trình kiên cố không dưới 70%, 80%, 70%);

- Diện tích xây dựng công trình: không quá 45%;

- Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao): không dưới 30%;

- Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 25%.

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khối phòng học tập; phòng học bộ môn: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 08 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và

Địa lí. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học;

- Khối phòng hỗ trợ học tập: Phòng truyền thống và Phòng Đoàn, Đội bố trí riêng biệt;

- Khối phụ trợ:

+ Phòng các tổ chuyên môn: có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn;

+ Phòng nghỉ giáo viên: có tối thiểu 01 phòng, bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;

+ Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao:

+ Bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn;

+ Nhà đa năng: đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động chung của trường;

+ Tất cả các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố và cấp công trình xây dựng từ cấp IV trở lên.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;

Hệ thống cấp nước sạch: trường sử dụng hệ thống nước sạch của nhà máy nước Trung An, đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định quy định hiện hành. Nước uống của học sinh được trung tâm Y tế quận Gò Vấp định kỳ xét nghiệm, nguồn nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo các quy định của Bộ Y tế [H3-3.3-01]. Nước uống phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên là nước

đóng bình Waterlina [H3-3.4-01]. Hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường [H3-3.3-02].

Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy bảo đảm theo các quy định hiện hành. Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; có kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường [H3-3.3-03].

Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường [H3-3.3-03].

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành [H3-3.3-04].

Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: có điện thoại; kết nối mạng internet toàn trường phục vụ hiệu quả cho các hoạt động của trường [H3-3.3-03].

Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường; có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm [H3-3.3-02].

b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố được xây dựng đảm bảo 100%. Các khối phòng học tập, phòng học bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ được thiết kế xây dựng công trình kiên cố và cấp công trình xây dựng đạt cấp III [H3-3.3-02].

c) Thiết bị dạy học (được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Phòng thiết bị có đầy đủ các thiết bị dạy học tối thiểu cho từng bộ môn theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp cấp Trung học cơ sở; hằng năm được bổ sung thiết bị để phục vụ nhu cầu giảng dạy của giáo viên [H3-3.3-05]. Trường có đủ các thiết bị: Máy vi tính, máy in, máy photocopy, hệ thống loa phát thanh và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường [H3-3.3-05]. Hằng năm, bổ sung các thiết bị dạy học tự làm

như các dụng cụ đo đạc trong toán học, các mô hình sản phẩm ứng dụng STEM, các giáo án ứng dụng công nghệ thông tin, ... [H3-3.3-05].

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ các công trình kiên cố đạt 100% [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Diện tích xây dựng công trình là 3448 m², tỷ lệ 55,18% diện tích đất của trường vượt quá 45% theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao): rộng 2800 m², chiếm 22,3% so với diện tích toàn trường, chưa đạt tỷ lệ 30% [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Diện tích giao thông nội bộ chưa đạt tỷ lệ 25% [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối phòng học tập đảm bảo 57 phòng. Phòng học bộ môn chưa đảm bảo đủ 07 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học: Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí [H3-3.3-01].

Khối phòng hỗ trợ học tập có phòng truyền thống và phòng Đoàn, Đội bố trí riêng biệt.

Khối phụ trợ: phòng các tổ chuyên môn chưa đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn. Phòng nghỉ giáo viên: có 01 phòng, bố trí liền kề với khối phòng học tập nhưng chưa bảo đảm 10 lớp có 01 phòng [H3-3.1-02].

Phòng giáo viên: có 01 phòng rộng 120 m², sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Khu sân chơi, thể dục thể thao: Trường chưa có sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn, chưa có nhà tập đa năng để đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao của học sinh nhà trường.

Tất cả các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố và cấp công trình xây dựng từ cấp IV trở lên [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh:

Trường Trung học cơ sở Phan Tây Hồ có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống cấp điện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải được trang bị đầy đủ các thiết bị, phục vụ tốt cho các hoạt động của nhà trường, bảo đảm theo các quy định hiện hành. Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

3. Điểm yếu:

Khối phòng học bộ môn chưa đảm bảo đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học: Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí. Khối phụ trợ: các tổ chuyên môn chưa có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn. Trường chưa có đủ số phòng nghỉ của giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 6 năm 2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch sắp xếp lại khối phòng học bộ môn, khối phòng phụ trợ phù hợp, trao đổi với hội đồng trường để bố trí phù hợp các phòng học bộ môn, phòng tổ chuyên môn, phòng nghỉ của giáo viên nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

* Điểm mạnh nổi bật:

- Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo cơ bản theo quy định Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối phòng học tập và khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác dạy và học.

- Trường có hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh sạch sẽ, thu gom rác an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Trường trang bị đầy đủ đồ dùng dạy học tối thiểu đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học trên lớp.

* Điểm yếu cơ bản:

- Khối phòng học bộ môn chưa đảm bảo đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học: Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí.

- Diện tích nhà trường chưa đảm bảo đủ 6 m²/học sinh.

- Diện tích sân chơi còn hạn chế chưa đáp ứng nhu cầu học sinh. Trường chưa có sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn, chưa có nhà tập đa năng để đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao của học sinh.

* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu: Nhà trường xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Nhà trường chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục; nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời. Từ đó, trường đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Nhà trường có tổ chức Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Nhà trường luôn chấp hành theo sự lãnh đạo của Đảng ủy Phường 16; phối hợp tốt với Ủy ban nhân dân, các đoàn thể Phường 16, quận Gò Vấp tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giáo dục học sinh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**Mức 1:**

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

a) Nhà trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường và của từng lớp, được bầu ra vào đầu mỗi năm học theo đúng Điều lệ được ban hành theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm 01 trưởng ban, 02 phó ban và các ủy viên; Ban đại diện cha mẹ học sinh được bầu chọn theo đúng hướng dẫn và hoạt động theo đúng quy định [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT; Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng quy chế hoạt động, đề ra kế hoạch hoạt động trong năm học và được thống nhất trong tập thể cha mẹ học sinh toàn trường [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ, có phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, có ý kiến đóng góp tích cực với nhà trường trong quá trình giáo dục học sinh, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh [H4-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt việc phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh; tổ chức cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh theo định kỳ 01 năm 03 lần (đầu năm học, cuối học kì I và cuối học kì II) và họp đột xuất; tiếp thu ý kiến của ban đại diện cha mẹ học sinh về công tác quản lý, công tác giảng dạy của nhà trường, thống nhất các biện pháp phối hợp giáo dục học sinh và giúp hiệu trưởng giải quyết những kiến nghị của cha mẹ học sinh; trong các cuộc họp ban đại diện cha mẹ học sinh đã hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục cho cha mẹ học sinh; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm vận động học sinh bỏ học ra lớp [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động cùng với nhà trường thực hiện tốt chủ đề năm học, thực hiện có hiệu quả cuộc vận động: “Học tập và làm theo tấm gương tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực. Phối hợp chặt chẽ cùng với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh, giữ vững danh hiệu trường tiên tiến xuất sắc cấp thành phố, tuy nhiên một vài thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh trường tham gia công tác ở cơ quan nên đôi lúc gặp khó khăn về thời gian trong công tác tổ chức thực hiện các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-02].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu:

Còn một vài thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh trường tham gia công tác ở cơ quan nên đôi lúc gặp khó khăn về thời gian trong công tác tổ chức thực hiện các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục thực hiện cơ chế phối hợp giữa nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh và chính quyền địa phương trong công tác giáo dục.

Vào đầu năm học 2025 - 2026, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp nghiên cứu kỹ lý lịch học sinh, tìm hiểu kỹ các đối tượng cha mẹ học sinh để giới thiệu đến cha mẹ học sinh trong hội nghị cha mẹ học sinh nhằm bầu chọn ra ban đại diện cha mẹ học sinh có tâm huyết, nhiệt tình, sắp xếp thời gian làm tốt vai trò cầu nối giữa nhà trường với cha mẹ học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

a) Nhà trường đã chủ động tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 16 về kế hoạch giáo dục của nhà trường, việc xây dựng kế hoạch năm học phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; phối hợp với các khu phố hỗ trợ và vận động trẻ đến tuổi ra lớp, học sinh bỏ học trở lại lớp [H4-4.2-01].

b) Nhà trường thường xuyên phối hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương như: Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Công an, ... trong việc giáo dục đạo đức học sinh, vận động học sinh nghỉ học ra lớp, tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa khác như: sinh hoạt truyền thống các ngày lễ lớn, phối hợp với công an phường đăng ký nhà trường “An toàn về an ninh trật tự”. Sự phối hợp trên đã đem lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục học sinh [H4-4.2-01].

c) Nhà trường huy động sự hỗ trợ tự nguyện về tinh thần, vật chất của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục của giáo viên và học sinh, phát triển nhà trường như: sửa chữa bàn, ghế, mua sắm đèn, quạt, đầu tư thêm các loại sách tại thư viện, ... Vì thế, cơ sở vật chất nhà trường và khung cảnh sư phạm luôn được tu bổ khang trang, sạch đẹp. Chi hội Khuyến học nhà trường được thành lập ngày 01 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định của Chi Hội Khuyến học Phường 16 [H4-4.2-01]; vận động mạnh thường quân trợ cấp học bổng cho học sinh, khen thưởng học sinh cuối năm; khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc, tặng quà Tết Nguyên đán học sinh hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; khen thưởng học sinh có nhiều tiến bộ vươn lên trong học tập từ nguồn

quỹ khuyến học để động viên các em. Tuy nhiên, nguồn kinh phí vận động còn hạn chế [H4-4.2-02]; [H2-2.4-02].

Mức 2:

a) Nhà trường tham mưu Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 16 hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển; báo cáo kịp thời với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 16 các vấn đề khó khăn, phức tạp trong và bên ngoài trường: Vấn đề giao thông, an ninh trật tự, an toàn xã hội trước cổng trường [H4-4.2-03].

b) Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh luôn được nhà trường quan tâm thực hiện; hằng năm nhà trường phối hợp với Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội phối hợp với Đoàn Phường 16 tổ chức cho học sinh đi tham quan các khu di tích lịch sử Bến Nhà Rồng, Hội trường Thống Nhất, Bảo tàng lịch sử, Khu di tích địa đạo Củ Chi, Bia tưởng niệm Phường 16; kết hợp với giáo viên bộ môn Lịch sử và Địa lí, bộ môn Giáo dục công dân, giáo viên chủ nhiệm lồng ghép trong các tiết dạy, qua đó đã giáo dục tốt học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc [H1-1.1-02]; [H4-4.2-04]. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, cá nhân khi thực hiện các hoạt động giáo dục; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng ở địa phương; phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường 16 tuyên truyền về biển đảo, thặng an toàn giao thông; phối hợp với Công an Phường 16 tuyên truyền về thực hiện Luật Giao thông; phối hợp với bộ phận chuyên trách y tế và giáo viên bộ môn Khoa học tự nhiên, giáo viên bộ môn Giáo dục công dân thực hiện các chuyên đề về pháp luật, kỹ năng sống [H4-4.2-05].

Mức 3:

Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động của trường. Từ những kết quả đã đạt được, nhà trường đang phấn đấu việc xây dựng trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã chủ động tham mưu cho Đảng ủy, Ủy ban nhân dân về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. Huy động được sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, cha mẹ học sinh và các tổ chức cá nhân khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu:

Việc huy động kinh phí tự nguyện từ các tổ chức cá nhân còn hạn chế. Nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 8 năm 2025, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện việc huy động có hiệu quả các nguồn lực để chăm lo tốt cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; chú ý phát huy tốt vai trò của Chi hội Khuyến học nhà trường trong việc phát huy nguồn lực tự nguyện để hỗ trợ nhà trường trong việc khuyến học, khuyến tài.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể địa phương phấn đấu xây dựng trường thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

* Điểm mạnh nổi bật:

- Nhà trường xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ với Ban đại diện Cha mẹ học sinh tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh, hỗ trợ cơ sở vật chất nhà trường.

- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch; huy động được các nguồn lực về tinh thần, vật chất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

* Điểm yếu cơ bản:

- Việc huy động kinh phí tự nguyện từ các tổ chức cá nhân còn hạn chế.
- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong các năm học, nhà trường triển khai đầy đủ kế hoạch giáo dục tới toàn thể hội đồng sư phạm, Ban đại diện cha mẹ học sinh. Các bộ phận, các tổ đều nắm vững các biện pháp thực hiện kế hoạch đề ra. Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thường xuyên tổ chức chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thường xuyên thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, tổ chức tốt các phong trào văn hóa văn nghệ thể thao, thực hiện tốt việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Do vậy, các năm học qua kết quả học tập của học sinh đạt nhiều thành tích khả quan. Chất lượng chung về học lực cũng như kết quả học sinh giỏi đạt giải các bộ môn trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện và chất lượng hạnh kiểm học sinh toàn trường luôn ổn định. Bên cạnh đó, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề đạt kết quả tốt, góp phần quan trọng thúc đẩy thành tích chung của nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện kế hoạch giáo dục

Mức 1:

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường đầy đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh;

c) Tổ chức kiểm tra, rà soát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường theo khung kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp

ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định của Điều lệ trường trung học, đảm bảo thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục phổ thông và các quy định về chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện [H5-5.1-01].

b) Thực hiện nghiêm túc việc dạy học tích hợp, có liên hệ thực tế, thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh, đồng thời giáo dục kỹ năng sống trong giờ dạy bộ môn [H5-5.1-02]. Giáo viên của trường luôn tích cực trong đổi mới phương pháp, vận dụng phương pháp: “Bàn tay nặn bột”, “Dạy học theo dự án”, “Học tập trải nghiệm sáng tạo”, “Giáo dục STEM”, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, ... [H1-1.4-04]. Nhà trường được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp tặng Giấy khen vì có thành tích trong công tác đào tạo bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp [H1-1.4-05].

c) Tổ chức kiểm tra, rà soát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường theo khung kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cán bộ quản lý chỉ đạo giáo viên tăng cường thực hiện đổi mới đánh giá, xếp loại học sinh, hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh học tốt tất cả các môn [H2-2.3-03]. Nhà trường thực hiện hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh theo quy định, đảm bảo tính khách quan và

hiệu quả. Nội dung kiểm tra bảo đảm tính chính xác, hệ thống câu hỏi rõ ràng, nội dung câu hỏi theo tiến độ bài dạy, đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình, chú trọng câu hỏi vận dụng và câu hỏi liên hệ thực tiễn cuộc sống [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Giáo viên thực hiện nghiêm túc việc dạy học tích hợp, có liên hệ thực tế, thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh, đồng thời giáo dục kỹ năng sống trong giờ dạy bộ môn Giáo dục công dân, Sinh học, Địa lý; tăng cường thực hiện đổi mới đánh giá, xếp loại học sinh, hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh học tốt tất cả các môn [H1-1.1-02]; [H1-1.4-03].

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu ngay từ đầu năm học theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04]; các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh hòa nhập, khuyết tật gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.2-05]; có kế hoạch tổ chức giải truyền thống bằng hình thức kiểm tra kiến thức các môn văn hóa để phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi [H5-5.2-04].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện việc tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.4-03]. Tháng 8 năm 2024, hiệu trưởng chỉ đạo cho tổ trưởng chuyên môn trong buổi họp chuyên môn của tổ hằng tháng phải phân tích, đánh giá kết quả thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục trong tháng đó cụ thể hơn, phân tích kỹ và sâu hơn, hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Tuy nhiên, việc thực hiện rà soát, đánh giá chưa đi vào chiều sâu, chưa phân tích nhiều hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; giáo viên lựa

chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Tổ chức kiểm tra, rà soát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường theo khung kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng, đảm bảo khách quan và hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Tuy nhiên, việc thực hiện rà soát, đánh giá chưa đi vào chiều sâu, chưa phân tích nhiều hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 3 năm 2025, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo cho phó hiệu trưởng, tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn trong buổi họp chuyên môn hằng tháng phải phân tích, đánh giá kết quả thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục trong tháng đó cụ thể hơn, phân tích kỹ và sâu hơn, hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

Cán bộ quản lý khuyến khích giáo viên tiếp tục tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên trong học tập của học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hằng năm căn cứ vào kết quả học tập cuối năm học trước và từng đợt báo điểm kiểm tra giữa học kì I, học kì I, giữa học kì II của học sinh, nhà trường tổ chức rà soát, phân loại học sinh từ đó có biện pháp giúp đỡ học sinh yếu kém nhằm nâng cao chất lượng học tập [H2-2.3-03]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

b) Trong các tiết dạy, nhà trường yêu cầu giáo viên chú ý phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của học sinh, tăng cường việc luyện tập củng cố kiến thức theo yêu cầu và khả năng học tập của từng đối tượng học sinh; có tổ chức kiểm tra, đánh giá hàng tháng để kịp thời biểu dương học sinh [H2-2.4-05]. Nhà trường đã có kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 9 ngay từ đầu năm học, tạo điều kiện tốt nhất cho các lớp bồi dưỡng học sinh giỏi các môn dự thi cấp thành phố [H5-5.2-03]. Việc phụ đạo học sinh yếu được giáo viên tổ chức trong tiết học; ngoài ra, vào các đợt kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ nhà trường đều tổ chức phụ đạo ôn tập cho học sinh nhằm đạt kết quả cao trong học tập [H5-5.2-01].

c) Mỗi học kì, nhà trường đều tổ chức họp sơ kết, tổng hợp, đánh giá rút kinh nghiệm và xếp loại kết quả học tập của học sinh, từ đó tìm ra các biện pháp hữu hiệu phân công giáo viên giỏi, có kinh nghiệm bồi dưỡng các học sinh giỏi và giúp đỡ học sinh yếu kém của nhà trường [H2-2.3-03]. Năm học này, nhà

trường tổ chức giải thi truyền thống, tạo sân chơi giao lưu lành mạnh cho các em học sinh, qua đó phát hiện và bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quận [H5-5.2-04].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H2-2.3-03]; [H1-1.6-10].

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận. Năm học 2023 - 2024, tham dự Hội thi “Máy tính cầm tay”: Đạt 02 học sinh cấp quận; 01 học sinh dự thi cấp thành phố. Hội thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” cấp thành phố: giáo viên đạt: 01 giải nhì, 01 giải ba. Học sinh đạt: 02 giải nhì, 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích. Hội thi “Khéo tay kỹ thuật”: đạt 03 học sinh cấp quận; 03 học sinh thi cấp thành phố. Tham gia thi học sinh giỏi cấp quận đạt 23/45 học sinh dự thi, đạt 08 học sinh giỏi cấp quận tham gia dự thi cấp thành phố: (Ngữ văn: 01, Lịch sử: 02, Địa lí: 01, tiếng Anh: 01, Toán: 01, Công nghệ: 01, Tin học: 01). Học sinh đạt giải hội thi Ngày hội khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp quận: 18 em.

Tuy nhiên, số học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thành phố của nhà trường chưa cao [H2-2.3-03]; [H2-2.4-03].

Nhà trường luôn chú trọng rèn luyện thể chất cho học sinh, có học sinh năng khiếu về thể dục thể thao. Hằng năm, học sinh của trường đều tham gia hội khỏe Phù Đổng cấp quận: đạt 31 huy chương vàng, 29 huy chương bạc; 43 huy chương đồng được trung tâm Thể dục Thể thao và Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp khen thưởng Cờ Thi đua xuất sắc về phong trào thể dục thể thao [H2-2.3-03]; [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

3. Điểm yếu:

Số học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thành phố của nhà trường chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ tháng 01 năm 2025 đến tháng 3 năm 2025, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chuyên môn tiếp tục theo dõi công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, lựa chọn giáo viên nhiều kinh nghiệm, tâm huyết để phân công bồi dưỡng cho học sinh. Phó hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức chuyên đề trao đổi về kinh nghiệm bồi dưỡng học sinh giỏi, tăng cường phối hợp với giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và gia đình học sinh trong công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu để nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục. Giáo viên Giáo dục thể chất vận động học sinh tham gia tốt các hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định**

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng:

Nội dung giáo dục địa phương được thực hiện theo kế hoạch của nhà trường, phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. Vào đầu mỗi năm học hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên các tổ bộ môn (Giáo dục địa phương, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục nghệ thuật (Mỹ thuật), Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, ...) thực hiện tốt việc giảng dạy nội dung giáo dục địa phương theo hướng dẫn của cán bộ chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên xây dựng kế hoạch giảng dạy lồng ghép nội dung giáo dục

truyền thống địa phương trong các tiết dạy, tạo hứng thú, động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học. Từ đó, giúp học sinh hiểu biết thêm về lịch sử và văn hóa địa phương, đồng thời khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương [H1-1.8-01]; [H1-1.10-05]. Giáo viên đã tổ chức kiểm tra việc học lịch sử địa phương, cho viết bài thu hoạch sau khi trải nghiệm tìm hiểu thực tế, để học sinh tiếp thu tốt nội dung giáo dục địa phương [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Việc tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương chưa thường xuyên, chủ yếu thực hiện ở các môn học (Giáo dục địa phương, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục nghệ thuật (Mỹ thuật) [H1-1.4-03]; [H1-1.8-01]; [H5-5.3-01].

2. Điểm mạnh:

Nội dung giáo dục địa phương được thực hiện theo kế hoạch của nhà trường, phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn địa phương.

3. Điểm yếu:

Công tác rà soát cải tiến, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 3 năm 2025, hiệu trưởng tiếp tục khuyến khích giáo viên và học sinh sưu tầm và bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học.

Phó hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo cho giáo viên thường xuyên cập nhật nội dung giáo dục địa phương trong kế hoạch bài dạy phù hợp với thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng:

a) Phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp vào đầu mỗi năm học theo quy định và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.4-03]; [H5-5.4-01]; [H2-2.2-06]. Tổ trưởng chuyên môn có xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề của tổ trong từng năm học với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực [H1-1.4-03].

Phối hợp với các trường trung cấp Nghề, các trường trung học phổ thông công lập và dân lập tư thục để tư vấn và hướng nghiệp với sự tham gia của 100% học sinh lớp 9 [H5-5.4-02]. Nhà trường tổ chức cho học sinh tham quan thực tế, mời báo cáo viên về hướng dẫn, giáo viên giới thiệu cụ thể [H1-1.10-05]. Tuy nhiên, tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm ngoài nhà trường chưa nhiều.

b) Sơ kết học kỳ I, tổng kết năm học, cán bộ quản lý nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với nhiều hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực; định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm ngoài nhà trường chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Phó hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo quản lý chặt chẽ hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm ngoài nhà trường với hình thức phong phú, thu hút nhiều học sinh tham gia.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 2:

a) *Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;*

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện: Đầu năm học, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục, kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với khả năng học tập của học sinh và tình hình thực tế địa phương có đặt ra mục tiêu hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, kỹ năng chống xâm hại tình dục [H5-5.5-01].

Trong các tiết sinh hoạt dưới cờ, tiết hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, tiết hoạt động ngoài giáo dục giờ lên lớp, nhà trường đã thường xuyên tổ chức rèn luyện các kỹ năng cho học sinh thông qua các chuyên đề [H1-1.10-05]. Tổ chức các hoạt động tập thể về cách ứng xử nơi công cộng, giáo dục về an toàn giao thông, ý thức vệ sinh môi trường sư phạm, phòng chống các tác hại của chất kích thích gây nghiện, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, thực hành tính tiết kiệm điện, nước [H4-4.2-05]. Thực hiện phòng chống đuối nước cho 100% học sinh lớp 6 [H5-5.5-02]. Thông qua các hoạt động giáo dục, ý thức của học sinh có chuyển biến tích cực [H1-1.5-04].

Từng bước hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện, biết so sánh kết quả học tập của mình qua từng giai đoạn, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu để có trách nhiệm với bản thân [H1-1.5-02]; [H1-1.10-05].

b) Học sinh bước đầu vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn, chế tạo tên lửa nước, thực hành trồng sau sạch trong vườn sinh học, có những nghiên cứu ứng dụng đạt kết quả cao trong các kỳ thi, hội thi. Tuy nhiên, vẫn còn một số

học sinh khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn còn thụ động, hạn chế [H1-1.2-05].

Mức 3:

Giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia hội thi Khoa học kỹ thuật; hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, công nghệ với đề tài đơn giản, vừa sức với học sinh trung học cơ sở. Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo giáo viên, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn [H5-5.5-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức giáo dục kỹ năng sống giúp học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Học sinh có chuyển biến tích cực về đạo đức lối sống và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

3. Điểm yếu:

Khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn của một số học sinh còn thụ động, hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2024 - 2025, nhà trường tiếp tục xây dựng và thực hiện chương trình, tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp, thu hút học sinh tham gia, rèn luyện. Giáo viên trao đổi với cha mẹ học sinh, vận động, khuyến khích, tạo điều kiện để học sinh tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Tháng 3 năm 2025, hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn, đoàn, đội xây dựng kế hoạch tổ chức đa dạng, phong phú các hình thức sinh hoạt câu lạc bộ nhằm phát huy năng lực, sở trường và đáp ứng nhu cầu được học tập, sinh hoạt vui chơi của học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục**Mức 1:**

a) Kết quả học tập, rèn luyện học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh:

- Kết quả học tập theo mức Tốt: tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Tốt của trường thuộc vùng khó khăn đạt từ 5% trở lên đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và từ 20% trở lên đối với trường chuyên; tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Tốt của trường thuộc các vùng còn lại đạt từ 10% trở lên đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và từ 25% trở lên đối với trường chuyên;

- Kết quả học tập theo mức Khá: tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Khá của trường thuộc vùng khó khăn đạt từ 30% trở lên đối với trường trung học cơ sở, từ 20% trở lên đối với trường trung học phổ thông và từ 55% trở lên đối với trường chuyên; tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Khá của trường thuộc các vùng còn lại đạt từ 35% trở lên đối với trường trung học cơ sở, từ 25% trở lên đối với trường trung học phổ thông và từ 60% trở lên đối với trường chuyên;

- Kết quả học tập theo mức Chưa đạt: tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Chưa đạt của trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông thuộc vùng khó khăn không quá 10%; tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Chưa đạt

của trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông thuộc các vùng còn lại không quá 5%; trường chuyên không có học sinh xếp loại Chưa đạt;

- Kết quả rèn luyện: tỷ lệ học sinh trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông được đánh giá ở mức Khá, Tốt từ 90% trở lên và từ 98% trở lên đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và không được lên lớp:

- Vùng khó khăn: không quá 3% học sinh bỏ học, không quá 5% học sinh không được lên lớp; trường chuyên không có học sinh không được lên lớp và không có học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh không được lên lớp; trường chuyên không có học sinh không được lên lớp và không có học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường trong từng năm học. Cuối năm học nhà trường báo cáo thống kê tổng hợp kết quả học tập (học lực), rèn luyện phẩm chất (hạnh kiểm) của học sinh; kết quả xếp loại học tập (học lực), rèn luyện phẩm chất (hạnh kiểm) của học sinh đạt yêu cầu theo chỉ tiêu kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường [H1-1.7-05]; [H2-2.3-03]; [H5-5.6-02].

* Kết quả xếp loại Học tập (Học lực):

Kết quả Học tập (Học lực)										
Năm học	Tổng số HS	Chỉ tiêu Khá, Giỏi	Tốt / Giỏi		Khá / Khá		Đạt / Trung bình		Chưa đạt / Yếu, kém	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2019 - 2020	3143	70%	1745	56,00	1017	32,00	343	11,00	38	1,20
2020 - 2021	3093	>70%	1660	53,67	1008	32,59	374	12,09	51	1,64

2021 - 2022	2779	>70%	1743	62,72	806	29,00	212	7,62	18	0,65
2022 - 2023	2640	>70%	1527	57,84	776	29,39	322	12,20	15	0,57
2023 - 2024	2683	>70%	1587	59,70	800	29,30	269	10,10	27	1,00

* Kết quả xếp loại Rèn luyện (Hạnh kiểm):

Kết quả Rèn luyện (Hạnh kiểm)										
Năm học	Tổng số HS	Chỉ tiêu Khá Tốt	Tốt/ Tốt		Khá/ Khá		Đạt/ Trung bình		Chưa đạt/ Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2019 - 2020	3143	98%	2960	94,00	165	5,30	18	0,60	0	0,00
2020 - 2021	3093	98%	2871	92,82	193	6,24	29	0,94	0	0,00
2021 - 2022	2779	98%	2596	93,41	167	6,00	16	0,57	0	0,00
2022 - 2023	2640	98%	2369	89,73	230	8,71	41	1,55	0	0,00
2023 - 2024	2683	98%	2191	81,00	377	14,50	95	3,60	03	0,20

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp trung học cơ sở đạt vượt yêu cầu theo chỉ tiêu kế hoạch giáo dục trong năm học của nhà trường [H1-1.7-05]; [H2-2.3-03]; [H5-5.6-02].

Tỷ lệ học sinh lên lớp sau kiểm tra lại trong hè:

Năm học	Tổng số học sinh	Chỉ tiêu lên lớp	Số học sinh kiểm tra lại	Số học sinh được xét lên lớp sau kiểm tra lại	Số học sinh ở lại lớp sau kiểm tra lại	Tỷ lệ học sinh lên lớp sau kiểm tra lại trong hè
2019 - 2020	3143	98%	31	27	04 - 0,12 %	99,88%

2020 - 2021	3093	98%	47	37	10 - 0,32%	99,68%
2021 - 2022	2779	98%	18	14	04 - 0,14%	99,86%
2022 - 2023	2640	98%	15	15	00 - 0,00%	100%
2023 - 2024	2683	98%	29	20	09 - 0,33%	99,67%

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở:

Năm học	Tổng số học sinh lớp 9	Số học sinh lớp 9 tốt nghiệp trung học cơ sở	Đạt tỷ lệ
2019 - 2020	721	721/721	100%
2020 - 2021	757	757/757	100%
2021 - 2022	783	783 / 783	100%
2022 - 2023	778	778/778	100%
2023 - 2024	697	697/697	100%

c) Nhà trường định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch đã đề ra. Trường liên kết với trường trung cấp Nghề Quang Trung, liên kết phối hợp với các trường trung học phổ thông dân lập và tư thục để tư vấn và hướng nghiệp với sự tham gia của 100% học sinh lớp 9. Đối với các học sinh không đậu kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, nhà trường tiếp tục tư vấn phụ huynh và học sinh để các em có thể tiếp tục học ở trường trung cấp nghề, trường dân lập tư thục, trung tâm giáo dục thường xuyên phù hợp với năng lực học sinh và điều kiện kinh tế của gia đình [H5-5.6-01]; [H2-2.3-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, kết quả học tập và rèn luyện của học sinh có nhiều chuyển biến tích cực [H1-1.7-05]; [H5-5.6-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, kết quả học tập và rèn luyện của học sinh có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ học sinh lên lớp đạt trên 99%. Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở luôn đạt tỷ lệ 100% [H1-1.7-05];[H5-5.6-02].

Mức 3:

a) Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh:

- Kết quả học tập theo mức Tốt: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, kết quả học tập của học sinh nhà trường được đánh giá mức Tốt (Giỏi) đạt từ 53.67% trở lên [H1-1.7-05].

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Tỷ lệ học sinh xếp loại Tốt (Giỏi)	1745/3143 - 56,00%	1660/3093 - 53,67	1743/2779 - 62,72	1527/2640 - 57,84	1587/2683 - 59,70

- Kết quả học tập theo mức Khá: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, kết quả học tập của học sinh nhà trường được đánh giá mức Khá trên 29,00% [H1-1.7-05]; [H5-5.6-02].

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Tỷ lệ học sinh xếp loại Khá	1017/3143 - 32,00%	1008/3093 - 32,59%	806/2779 - 29,00%	776/2640 - 29,39%	800/2683 - 29,30%

- Kết quả học tập theo mức Chưa đạt: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, kết quả học tập của học sinh nhà trường được đánh giá theo mức Chưa đạt dưới 02% [H1-1.7-05]; [H5-5.6-02].

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Tỷ lệ học sinh xếp loại Chưa đạt (Yếu, kém)	38/3143 - 1,20%	51/3093 - 1,64%	18/2779 - 0,65%	15/2640 - 0,57%	27/2683 - 1.00%

- Kết quả rèn luyện: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, kết quả rèn luyện của học sinh nhà trường ở mức Khá, Tốt đạt từ 95,71% trở lên [H1-1.7-05]; [H5-5.6-02].

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Tỷ lệ học sinh xếp loại Rèn luyện khá, tốt	3125/3143 - 99,42%	3064/3093 - 99,06%	2763/2779 - 99,42%	2599/2640 - 98,44%	2568/2683 - 95,71%

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và không được lên lớp:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ học sinh của nhà trường bỏ học dưới 01%, tỷ lệ học sinh của nhà trường không được lên lớp không quá 0,45%. Tuy nhiên, hằng năm nhà trường vẫn còn học sinh nghỉ bỏ học giữa chừng trong năm học [H1-1.7-05]; [H5-5.6-02].

- Tỷ lệ học sinh bỏ học:

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Tỷ lệ học sinh bỏ học	17/3143 - 0,54%	29/3093 - 0,94%	24/2779 - 0,86%	20/2640 - 0,76%	26/2683 - 0,97%

- Tỷ lệ học sinh không được lên lớp:

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Tỷ lệ học sinh không được lên lớp	11/3143 - 0,35%	14/3093 - 0,45%	04/2779 - 0,14%	00/2640 - 00%	09/2683 - 0,34%

2. Điểm mạnh:

Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường trong từng năm học và có nhiều chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Kết quả học sinh được đánh giá học tập mức khá, tốt cao.

Tỷ lệ học sinh lên lớp đạt vượt chỉ tiêu đề ra. Số lượng học sinh bỏ học thấp hơn so với quy định. Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt tỷ lệ 100%.

Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Tuy nhiên, hằng năm nhà trường vẫn còn học sinh nghỉ bỏ học giữa chừng trong năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong các buổi họp hội đồng sư phạm, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm trao đổi với cha mẹ học sinh động viên, tạo điều kiện học sinh học tập ở nhà, tư vấn vận động học sinh đến trường học tập, không nghỉ bỏ học giữa chừng trong năm học, quan tâm giúp đỡ các em học sinh hoàn cảnh gia đình khó khăn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

* Điểm mạnh nổi bật:

- Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; giáo viên lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng, đảm bảo khách quan và hiệu quả.

- Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh theo kế hoạch. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

- Kết quả học tập và rèn luyện, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

- Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

* Điểm yếu cơ bản:

- Số học sinh giỏi cấp thành phố chưa cao.

- Nhà trường vẫn còn học sinh nghỉ bỏ học giữa chừng trong năm học.

* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của Trường trung học cơ sở Phan Tây Hồ được hoàn thành, phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đề ra chiến lược phát triển nhà trường, xác định tầm nhìn, đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động của nhà trường. Qua đó, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, thực hiện các chương trình hoạt động giáo dục và công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh. Kết quả giáo dục học sinh là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất về chất lượng giáo dục của nhà trường.

Đối chiếu với kết quả của các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở theo Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường trung học cơ sở Phan Tây Hồ tự đánh giá mức chất lượng giáo dục mà trường đạt được như sau:

* Mức 1:

- Tổng số tiêu chí đạt: 25/25, tỉ lệ: 100%.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 0/25, tỉ lệ: 0%.

* Mức 2:

- Tổng số tiêu chí đạt: 21/25, tỉ lệ: 84%.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 04/25, tỉ lệ: 16%.

* Mức 3:

- Tổng số tiêu chí đạt: 07/21, tỉ lệ: 33,3%.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 14/21, tỉ lệ: 66,7%.
- Mức đánh giá của trường: Mức 1.

Trường Trung học cơ sở Phan Tây Hồ, quận Gò Vấp đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường trung học cơ sở Phan Tây Hồ, quận Gò Vấp về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông. Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy, chính quyền địa phương, các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng đạt chất lượng và hoàn thiện hơn./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Hiền

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường	2021	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)
	2	[H1-1.1-02]	Kế hoạch năm học (Kế hoạch giáo dục)	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)
	3	[H1-1.1-03]	Hình ảnh niêm yết công khai Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	2021	Hiệu trưởng	Tổ trưởng (Thầy Quân)
	4	[H1-1.1-04]	Biên bản họp Hội đồng trường	2019 - 2020 2020 - 2021	Chủ tịch Hội đồng trường	Văn thư (Cô Nam)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024		
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định công nhận (kiện toàn) Hội đồng trường	2023 - 2024	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	Văn thư (Cô Nam)
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua khen thưởng	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội đồng khoa học	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt kết quả học tập và rèn luyện học sinh	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Học vụ (Cô Ninh)
	5	[H1-1.2-05]	Báo cáo sơ kết học kì I, Báo cáo tổng kết năm học.	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)
	6	[H1-1.2-06]	Hồ sơ thi đua và khen thưởng: Kế hoạch; tờ trình; báo cáo thành tích, biên bản; danh sách.	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn (Cô Trang)
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Chi đoàn	Bí thư Chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Liên đội	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Chi hội Khuyến	2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			học	2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024		(Cô Nam)
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ Chi hội Chữ thập đỏ	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Nhân viên Y tế (Cô Quyên)
	6	[H1-1.3-06]	Hồ sơ Chi bộ	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Chi bộ	Thư ký Chi bộ (Cô Bích)
	7	[H1-1.3-07]	Hình ảnh tham gia phong trào của học sinh, giáo	2019 - 2020 2020 - 2021	Chi đoàn	Bí thư Chi đoàn

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			viên.	2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024		
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	2019 - 2020 2023 - 2024 2024 - 2025	Ủy ban Nhân dân quận Gò Vấp	Thủ quỹ (Cô Tường Lan)
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó và thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)
	3	[H1-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Tổ trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San) Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	4	[H1-1.4-04]	Biên bản họp tổ chuyên môn, tổ văn phòng	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Tổ trưởng	Phó Hiệu trưởng (Cô Thúy) Văn thư
	5	[H1-1.4-05]	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020 - 2021	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Văn thư (Cô Nam)
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách các lớp	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin (Cô Bích)
	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng Giáo viên chủ nhiệm	Văn thư (Cô Nam)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2022 - 2023 2023 - 2024		
	3	[H1-1.5-03]	Danh sách giáo viên chủ nhiệm theo từng năm học	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin (Cô Bích)
	4	[H1-1.5-04]	Biên bản bầu ban cán bộ lớp	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Giáo viên chủ nhiệm	Văn thư (Cô Nam)
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ học vụ	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	Học vụ (Cô Ninh)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2023 - 2024		
	2	[H1-1.6-02]	Sổ đầu bài	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Học vụ (Cô Ninh)
	3	[H1-1.6-03]	Sổ quản lý thiết bị	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Thiết bị	Nhân viên Thiết bị
	4	[H1-1.6-04]	Sổ quản lý tài chính	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng Kế toán	Thủ quỹ (Cô Tường Lan)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ quản lý thư viện	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
	6	[H1-1.6-06]	Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế (Cô Quyên)
	7	[H1-1.6-07]	Hồ sơ của giáo viên (kế hoạch giảng dạy, sổ dự giờ, sổ điểm cá nhân)	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Nhân viên văn thư	Văn thư (Cô Nam)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	8	[H1-1.6-08]	Biên bản kiểm tra, báo cáo tài chính	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phòng Tài chính Kế toán	Thủ quỹ (Cô Tường Lan)
	9	[H1-1.6-09]	Báo cáo kiểm tra nội bộ	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San) Văn thư
	10	[H1-1.6-10]	Quy chế chi tiêu nội bộ	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng Kế toán	Thủ quỹ (Cô Tường Lan)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	11	[H1-1.6-11]	Kế hoạch sử dụng sổ điểm điện tử, tin nhắn điện tử	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San)
	2	[H1-1.7-02]	Công văn, danh sách cử đi học	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)
	3	[H1-1.7-03]	Danh sách phân công	2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			giảng dạy	2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024		(Cô Nam)
	4	[H1-1.7-04]	Thống kê kết quả học tập, rèn luyện của học sinh	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Nhân viên Học vụ (Cô Ninh)
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San)
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm ngoài nhà	2019 - 2020 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			trường	2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024		(Thầy San)
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ Hội nghị viên chức, người lao động	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn	Chủ tịch Công đoàn (Cô Trang)
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ xử lý khiếu nại, tố cáo	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)
	3	[H1-1.9-03]	Biên bản giám sát của Ban Thanh tra nhân dân	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Ban Thanh tra nhân dân	Trưởng Ban Thanh tra nhân dân

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2022 - 2023 2023 - 2024		(Cô Mai)
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo thực hiện qui chế dân chủ cơ sở	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San)
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế (Cô Quyên)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2023 - 2024		
	3	[H1-1.10-03]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh, công an phường	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ khám sức khỏe nhân viên học vụ	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Bệnh viện quận Gò Vấp Nhân viên y tế	Nhân viên y tế (Cô Quyên)
	5	[H1-1.10-05]	Hình ảnh ngoại khóa, kỹ năng sống	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Chi đoàn, Liên đội	Tổ trưởng tổ Tin học (Thầy Quân) Tổng phụ trách

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	6	[H1-1.10-06]	Hình ảnh sinh hoạt chuyên đề	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Chi đoàn, Liên đội	Tổ trưởng tổ Tin học (Thầy Quân) Tổng phụ trách
	7	[H1-1.10-07]	Sổ quản lý kỷ luật	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng Giám thị	Phó Hiệu trưởng (Thầy Phong)
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ quy hoạch	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Thư ký chi bộ (Cô Bích)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng Chủ tịch công đoàn	Văn thư (Cô Nam)
	3	[H2-2.1-03]	Chứng chỉ bồi dưỡng Phó Hiệu trưởng, trung cấp chính trị	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Trường cán bộ quản lý	Thủ quỹ (Cô Tường Lan)
	4	[H2-2.1-04]	Biên bản đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của hội đồng sư phạm	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hợp đồng thỉnh giảng, hợp đồng lao động	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng Thủ quỹ	Thủ quỹ (Cô Tường Lan)
	2	[H2-2.2-02]	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo của từng năm	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin (Cô Bích)
	3	[H2-2.2-03]	Danh sách giáo viên đạt trên chuẩn đào tạo	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin (Cô Bích)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	4	[H2-2.2-04]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin (Cô Bích) (Cô Nam)
	5	[H2-2.2-05]	Thống kê phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San) Nhân viên công nghệ thông tin
	6	[H2-2.2-06]	Kế hoạch hướng nghiệp, dạy nghề	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Quyết định phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)
	2	[H2-2.3-02]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hàng năm	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin (Cô Bích) Văn thư
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Sổ đăng bộ, sổ gọi tên, ghi điểm	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng Học vụ	Học vụ (Cô Ninh)
	2	[H2-2.4-02]	Hình ảnh trao học bổng,	2019 - 2020	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			hội trại, tổng kết khen thưởng, ...	2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024		
	3	[H2-2.4-03]	Quyết định, danh sách học sinh được khen thưởng	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng của trường, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Năm 2005 Năm 2009	Ủy ban Nhân dân quận Gò Vấp	Văn thư (Cô Nam)
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh cổng trường, sân trường	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	Tổ trưởng tổ Công nghệ và Tin học (Thầy Quân)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2023 - 2024		
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh phòng hành chính, quản trị	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Tổ trưởng tổ Công nghệ và Tin học (Thầy Quân)
	2	[H3-3.2-02]	Sổ quản lý tài sản	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Kế toán	Kế toán (Cô Hiền)
	3	[H3-3.2-03]	Biên bản kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất của trường	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng Kế toán	Kế toán (Cô Hiền)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	4	[H3-3.2-04]	Biên bản kiểm tra công tác thư viện của Phòng Giáo dục và Đào tạo	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên Thư viện (Cô Hiền)
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Biên bản, kết quả xét nghiệm nước	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế (Cô Quyên)
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh hệ thống cống thoát nước, hình ảnh nhà rác	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Tổ trưởng tổ Công nghệ và Tin học (Thầy Quân)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	3	[H3-3.3-03]	Hình ảnh hệ thống cấp điện	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Tổ trưởng tổ Công nghệ và Tin học (Thầy Quân)
	4	[H3-3.3-04]	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy; hình ảnh hệ thống điện	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị (Anh Quang)
	5	[H3-3.3-05]	Sổ quản lý đồ dùng dạy học	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị (Anh Quang)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Văn thư (Cô Nam)
	2	[H4-4.1-02]	Biên bản họp Ban đại diện, biên bản họp cha mẹ học sinh, báo cáo sơ kết của ban đại diện	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Văn thư (Cô Nam)
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Các công văn gửi chính quyền địa phương	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	[H4-4.2-02]	Danh sách học sinh được nhận học bổng	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Khối trưởng chủ nhiệm Thủ quỹ	Thủ quỹ (Cô Tường Lan)
	3	[H4-4.2-03]	Quyết định thành lập Chi hội Khuyến học	2022 - 2026	Hội Khuyến học Phường 16	Văn thư (Cô Nam)
	4	[H4-4.2-04]	Hình ảnh tham quan ngoại khóa	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Tổ trưởng tổ Công nghệ và Tin học (Thầy Quân)
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch chuyên môn, biên bản sinh hoạt chuyên đề	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	Cô Thúy Văn thư (Cô Nam)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				2023 - 2024		
Tiêu chí 5.2	2	[H5-5.1-02]	Kế hoạch giảng dạy Kỹ năng sống	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San) Văn thư
	3	[H5-5.2-03]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San) Văn thư
	4	[H5-5.2-04]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San) Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	5	[H5-5.2-05]	Kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San) Văn thư
	6	[H5-5.2-06]	Hình ảnh tham gia các hội thi	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Chi đoàn	Tổ trưởng tổ Công nghệ và Tin học (Thầy Quân)
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Bài thu hoạch ngoại khóa	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Văn thư (Cô Nam)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch thao giảng tiết ngoài giờ lên lớp gắn với trải nghiệm	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San)
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San)
	2	[H5-5.4-02]	Hình ảnh phối hợp với các trường trung cấp Nghề, các trường trung học phổ thông công lập và dân lập tư thục để tư vấn và hướng nghiệp cho	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Tổ trưởng tổ Công nghệ và Tin học (Thầy Quân)

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			học sinh lớp 9.			
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giảng dạy kỹ năng sống	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San)
	2	[H5-5.5-02]	Kế hoạch học bơi, hợp đồng bơi lội	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Kế toán (Cô Hiền)
	3	[H5-5.5-03]	Danh sách, quyết định học sinh được khen thưởng hội thi Khoa học kỹ thuật	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San) Văn thư

Tiêu chí	Số tt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Kế hoạch định hướng, phân luồng học sinh.	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San)
	2	[H5-5.6-02]	Báo cáo Mẫu 12 - tổng kết cuối năm học	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022 2022 - 2023 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Thầy San)